

# hỏa đám

Chủ Nhật, 18 tháng 5, 2014

WWW.HOADAMNEWS.COM

Bộ mới 2014. Số 27



Hình: TU GEO

## DỪNG LẠI NIỀM TIN

Có "Dừng Lại Niềm Tin" thì người dân trong nước mới đồng tâm hiệp lực xây dựng lại đất nước, thay vì ù lì thụ động, hoặc tệ hơn nữa thẳng tay phá hoại xã hội bởi lẽ "Con người đối xử với xã hội thô bạo như vậy chỉ vì xã hội đã đối xử với họ quá tệ," như nhà văn Phạm Xuân Đài đã viết... **NGUYỄN LONG ĐẤT**, tr.32

## 33 BÀI THƠ HOA SEN

Em để con khóc tự nhiên / anh không thích lối bình yên giả vờ / đánh mất nụ cười trẻ thơ / mà bao người lớn bây giờ khốn thêm... **NGUYỄN HỮU NHẬT**, tr.21

**K**hi cánh hoa rơi xuống vực thẳm âm mù cũng nhẹ nhàng không hốt hoảng. Ngấn tích để lại là một đường bay thanh thoát phiêu diêu. Sau cái chạm nhẹ vào mặt đất âm thầm, cánh hoa đuổi mình thu thả, chiêm nghiệm và chờ đợi. Những tháng ngày dưới đáy sâu sau này ngồi ngắm lại bao giờ cũng có một sự ngọt ngào riêng, như món quà tặng dành cho tuổi trẻ những năm lắm lỡ...

**HOÀNG LONG**, tr 30

## TÁC PHẨM CUỐI CÙNG CỦA NHÀ VĂN NHẤT LINH

Nếu cuộc đời Nhất Linh đã đẹp rồi thì cái chết của ông lại là một tác phẩm tuyệt đẹp cuối cùng của nhà văn. - **NGỌC CUƠNG**, tr.26

## THỰC DÂN, NÔ LÊ, ĂN MÀY

Cuộc cách mạng đất giá mà hệ thống toàn trị vẫn ôn ào kỷ niệm đi kỷ niệm lại, xem ra, chỉ là thứ "cách mạng" để thay đổi màu da dưới cái mũ cối. - **NGUYỄN HOÀNG VÂN**, tr.18

# TRONG SỐ NÀY

Số 27

CHỦ NHẬT, 18 THÁNG 5, 2014

**NHỮNG GIÁ TRỊ PHỔ QUÁT CỦA  
BỒ TÁT HÀNH** - TUỆ SỸ, tr.4 • **BIỂN  
CẢ** - NGUYỄN SIÊU, tr.10 • **BIỂN ĐÀO  
HÀN CẢ** - TRẦN MỘNG TÚ, tr.12 •  
**VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẦU TÂY HỌC** -  
ĐOÀN VIỆT HOẠT, tr.14 • **PHẬT GIÁO  
VIỆT NAM, BIẾN CỐ VÀ TỰ LIỆU** -  
VHĐ, tr.17 • **THỰC DÂN, NÔ LỆ, ẮN  
MÀY** - NGUYỄN HOÀNG VĂN, tr.18 •  
**MỘNG** - thơ NGUYỄN HỮU NHẬT, tr.21  
• **MỒI LỬA VÀ ĐỒNG CUI** - HUY ĐỨC,  
tr.22 • **THÁNG BAY, MUA, ĐÀ LẠT** -  
TRẦN HỮU DŨNG, tr.25 • **TÁC PHẨM  
CUỐI CÙNG CỦA NHÀ VĂN NHẤT  
LINH** - NGỌC CUÔNG, tr.26 • **PHONG  
VỊ** - HOÀNG LONG, tr.31 • **DỪNG LẠI  
NIỀM TIN** - NGUYỄN LONG ĐẤT, tr.32  
• **XEM TRANH BỒ ĐỀ ĐẠT MA** - thơ  
TRẦN HỮU DŨNG, tr.33 • **NUỐC MỸ,  
XA VÀ GẦN** - NGUYỄN THỊ HẬU, tr.34  
• **SÀI GÒN 18.5.2014** - thơ NGUYỄN  
ĐÌNH BỐN, tr.36 • **TỪ Ô CỬA SỐ MÁY  
BAY** - NGUYỄN THỊ HẬU, tr.37 • **TRAI  
ĐÀN TRÊN SÔNG THẠCH HÂN** -  
TRẦN HỮU DŨNG, tr.38 • **18.5 CHỦ  
NHẬT ĐEN CỦA NHỮNG NGƯỜI  
YÊU NƯỚC** - NGUYỄN TẤN CÚ, tr.40  
• **THEO MÂY ĐI, CÙNG MÂY VỀ** -  
MẶC PHƯƠNG TỬ, tr.42 • **KHOẢNG  
CÁCH** - thơ TRẦN HỮU DŨNG, tr.43

## HOA ĐÀM GROUP

Chịu trách nhiệm: NGUYỄN VIỆT  
9741 Bolsa Ave. Suite: 216.

Westminster, CA 92683. 714.765.9844

Mọi kiến xây dựng, đóng góp bài vở,  
tranh, ảnh, xin gởi về địa chỉ:  
hoadamnews@gmail.com



Có một thời, khi đức Thích Tôn khai diễn Đại hội trên đỉnh Kên Kên, để khẳng định những giá trị phổ quát của các chúng sinh trong thế giới Sahà vốn đang bị đè nặng dưới muôn vàn thống khổ này; bấy giờ có vô số Thượng khách từ nhiều phương trong vô tận thế giới về tham dự. Nhìn thấy thế giới Sahà này quá thực vô cùng xấu xa, ô trược và uế tạp, với những dấu hiệu của bệnh tật, nghèo đói, chiến tranh và áp bức; một thế giới bị bao trùm trong bóng tối, bị cách ly hoàn toàn với phần còn lại của Đại dương Vũ trụ bao la; họ bị chấn động



Hình: **KTS NGUYEN GIANG**

cho đến tận cùng bản thể tồn tại. Toàn thể Thương khách ấy đồng loạt đứng dậy trước đức Thích Tôn, phát nguyện sẽ ở lại trong Cõi Trần đau khổ này, để trợ giáo đức Thích Tôn kiến thiết một Thế giới thanh tịnh vi diệu, như là Thế giới Quê hương của các Ngài. Thế nhưng, không phải thế. Sahà không phải chỉ là thế giới của những chúng sinh bé nhỏ, thấp kém, như được nhìn từ ngoại hiện, từ góc độ quyền năng hung bạo của Thiên ma Ba tuần đang liên tục quấy hu không thành đông đảo, góp mây trời làm lũ lụt. Bên

dưới muôn triệu lớp sóng gào thét kinh hoàng của đại dương nước mắt ấy, là một cõi trầm mặc, tương chừng như sa mạc hoang vu. Nhưng trong cõi tịch mịch hoang vu ấy, sự sống vẫn không ngừng triển nở. Cho đến một lúc nào đó, khi âm thanh su tử hống của Đấng Đại hùng cất lên, thì từ trong lòng đất vọt lên, xuất hiện những người con của Đất Mẹ, từ lâu vẫn im lặng. Thân hình của họ ngời sáng bởi ánh sáng của hùng lực và trí tuệ. Ánh sáng từ họ sẽ rơi sáng Thế giới Sahà, sáng cho đến vô tận Thế giới. **TUỆ SỸ**

# NHỮNG GIÁ TRỊ PHỔ QUÁT CỦA BỘ TÁT HÀNH

TUỆ SỸ

## I. LÝ TƯỞNG VÀ HIỆN THỰC

Khi nhà triết học khám phá ra quy luật biện chứng, hình ảnh thế giới thay đổi.

Trước khi học triết học, rồi tư duy trên cơ sở những gì được lưu truyền qua các thế hệ triết gia, nhà triết học cũng như mọi sinh vật khác bị ném vào một thế giới được biết là đã tồn tại từ một khởi điểm thời gian nào đó, hay không từ một khởi điểm nào cả. Thế giới ấy luôn luôn biến động. Cho đến một lúc, trong ông, và cũng là trong một kỷ nguyên nhất định của tư duy, một khát vọng thúc đẩy càng lúc càng sôi nổi. Khát vọng vĩnh cửu. Như

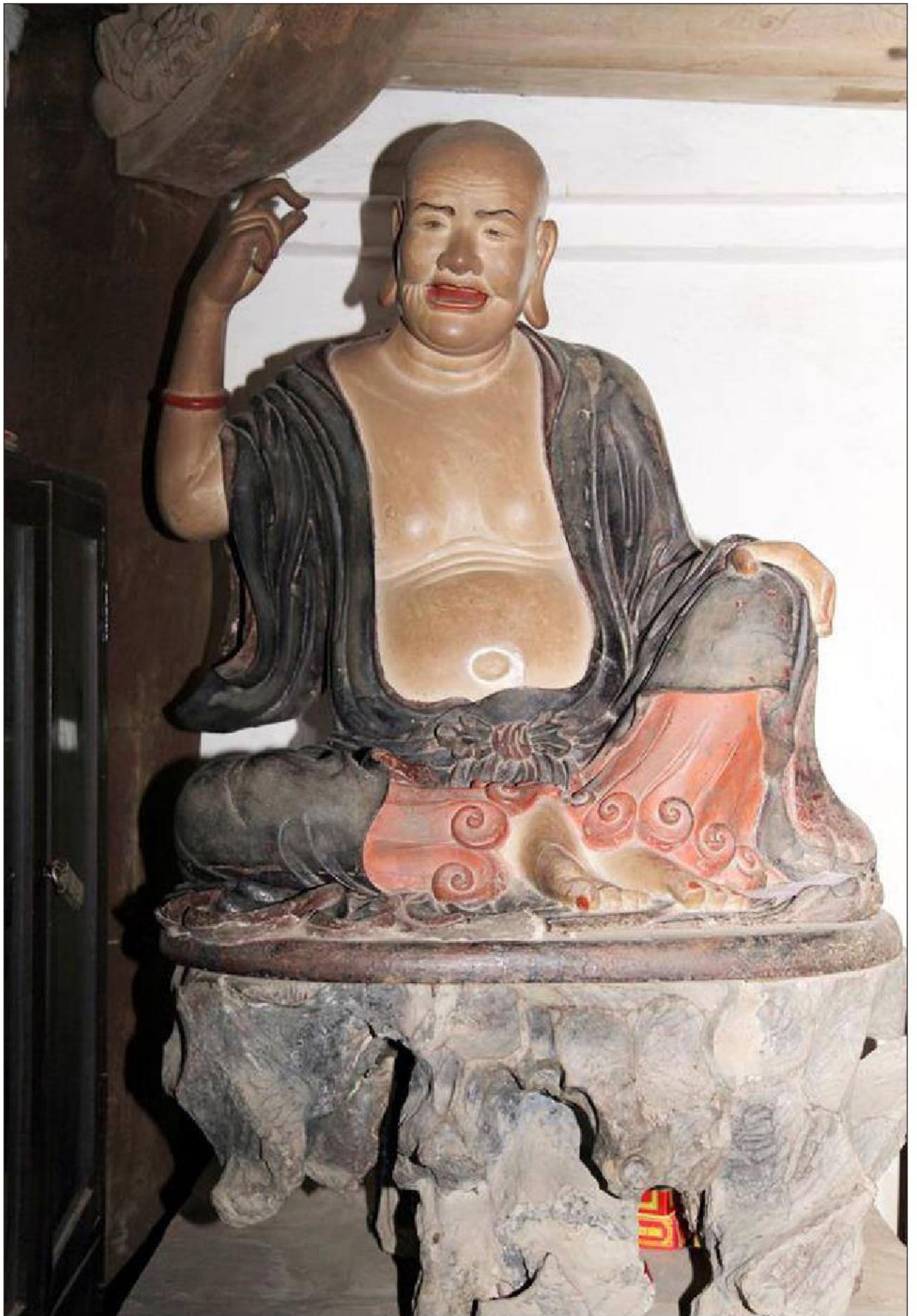
một đứa trẻ khi biết rằng sau số một là số hai, và cứ thế con số lớn dần, nó bắt đầu đi tìm sự tồn tại của con số vô hạn. Cũng vậy, nhà triết học, trong quá trình tư duy, cho đến một lúc, nhận thức rằng sau những hiện tượng biến thiên bất định của thế giới tồn tại một thế giới vĩnh cửu. Có khi ông gọi đó là thế giới Ý niệm. Có khi ông gọi đó là Hữu thể, hay Tuyệt đối thể.

Thế nhưng, một phi lý kỳ dị luôn luôn sẵn sàng làm sụp đổ mọi công trình tư duy, dù đó là công trình được gầy dựng qua nhiều thế kỷ. Ông tưởng mình đã nắm được ý niệm như là lý tính bất biến. Nhưng cái ý niệm tuyệt đối và bất biến ấy kéo theo nó một tập hợp các ý niệm, như một

đống hạt ác-xoa[1] luôn luôn dính chùm nhau. Ý niệm tam giác trong thế giới của lý tính không tuyệt đối đơn nhất, mà là tập hợp của những điểm, đoạn, góc. Mỗi ý niệm là tập hợp của những ý niệm. Cho đến khi nào ý niệm ấy là một Nhất thể tuyệt đối, không là tập hợp của các ý niệm khác nữa, bấy giờ cái ý niệm tối hậu ấy bỗng nhiên biến mất. Chừng nào triết gia còn chiêm nghiệm thế giới của các ý niệm trong tính thế tĩnh tại, bấy giờ ý niệm, dù là tập hợp của các tập hợp con, vẫn được nhận thức như là tồn tại bất biến. Nhưng khi triết gia nhìn nó trong thế giới vận động không ngừng, ý niệm ấy tức thì tan rã, sụp đổ. Song, ngoài thế giới biến dịch vô thường ấy,

không tồn tại thế giới tĩnh tại, thường hằng nào khác để làm căn cứ cho nhận thức phát khởi.

Như vậy, sau khi khám phá quy luật biện chứng, triết gia cũng khám phá tính hiện tượng của tồn tại. Nghĩa là, thức, như là chủ thể của nhận thức, không hề là thực thể độc lập và biệt lập ngoài đối tượng của nó. Thức tồn tại với yếu tính là vươn đến đối tượng của nó. Và, cái gì không hiện thực, cái đó không có tác dụng. Cho nên, đối tượng của thức là thế giới biến dịch, vận động. Thặng hoa những gì tồn tại trong biến dịch thành thế giới thường hằng, đó là bản chất của trí phân biệt, nó nối những đốm lửa quay liên tục thành một vòng lửa.



Không có thực tại thường hằng nào đằng sau hay bên dưới thực tại biến dịch, không ngừng vận động.

Vận động; cái đang tồn tại luôn là cái đang trở thành. Tất nhiên không phải biến dịch để trở thành cái khác, tự thể trở thành tha thể. Sự trở thành cái khác là ngoại hiện. Nó trở thành chính nó, để như là chính nó. Nhưng nó không tồn tại như một tự ngã bất biến. Vậy, nó là gì? Chỉ có thể nói, nó không là nó, hay không là gì cả, cho nên nó chính là nó. Cách trả lời thâm thiết nhất là sự im lặng. Chúng ta đã thấy sự im lặng của Duy-ma-cát như là đỉnh cao của quá trình đi tìm tuyệt đối thể, đi tìm cái bất nhị, không hai: không phải nó, cũng không phải không là nó, nhưng chính là nó.

Từ chỗ im lặng đó, một câu hỏi có vẻ ngớ ngẩn được hỏi: sau sự im lặng ấy là gì? Nghĩa là, thế giới của sự im lặng ấy là gì, khi mà ở đó mọi biểu hiện của ngôn ngữ bị cắt đứt, mọi hình thái tư duy đều vắng bật? Tất nhiên là không có câu trả lời minh nhiên. Nhưng chúng ta có thể hiểu được rằng đó là thế giới để sống. Như một người tắm mình trong dòng nước mát, để cho toàn thân được thấm nhuần cảm giác mát mẻ vi diệu, khi ấy không còn câu hỏi "nước là gì?" Cũng vậy, sau sự im lặng của Duy-ma-cát, thế giới đột nhiên trở lại với những sinh hoạt nhất thường của chúng sinh.

Bậc Thánh giả đặt cái thế giới bất nhị ấy vào ngay trong sinh hoạt thường

nhất không phải là Duy-ma-cát, không phải là Văn-thù, mà lại là Xá-lợi-phất. Khi mà Duy-ma-cát im lặng, Văn-thù tuyên dương và năm nghìn Bồ tát bước vào cửa pháp bất nhị, liền ngay khi ấy Xá-lợi-phất tự hỏi: "Sắp đến giờ ăn, các Bồ tát này sẽ ăn ở đâu đây?" Ngài không hỏi các Thanh văn, mà hỏi các Bồ tát, những vị vừa thâm nhập thế giới Tuyệt đối bất nhị.[2]

Các nhà chú giải nhận thức ý nghĩa vi diệu trong sự im lặng của Duy-ma-cát và tuyên dương của Văn-thù mà liệt ý nghĩa của Xá-lợi-phất vào hạng căn cơ thấp kém.[3] Nhưng ở đây chúng ta nên nhìn vấn đề từ một góc độ khác. Trong quá trình kiến thiết cõi Phật thanh tịnh, Bồ tát tự trang bị cho mình một căn bản tư tưởng để hành đạo. Căn bản ấy là pháp môn bất nhị, mà ý nghĩa tinh yếu của nó là, thế giới của chúng sinh là tịnh độ của Phật. Vì thế và tịnh không là hai thực tại riêng biệt. Như Thiên nữ nói: "Tham dục, thù hận, và ngu si, chính là giải thoát." Tất nhiên, đấy là nhận thức thuần lý. Vậy, phải bắt đầu từ đâu để thể hiện tư duy thuần lý ấy ngay trong sinh hoạt thường nhật? Câu hỏi của Xá-lợi-phất kéo tư duy thuần lý đang có cơ trở thành không tưởng trở về với thực tế thường nhật.

Sinh hoạt thường nhật ở đây trước hết phải nói đến sự ăn. Phật nói, "Tất cả chúng sinh đều tồn tại bởi thức ăn." [4] Vậy, khi Bồ tát hành đạo giáo dưỡng các hữu tình để cho thành tựu các thiện căn, trước tất cả tất nhiên là sự cung cấp các loại thực phẩm để các

chúng sinh tồn tại. Bởi vì sự nghiệp của Bồ tát là tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sinh. Bằng lý tưởng tịnh Phật quốc độ, Bồ tát hành đạo cho một thế giới an bình, với tất cả điều kiện thuận tiện để khuyến khích ý chí hướng thượng, khích lệ tinh thần cầu học Vô thượng đạo. Đó hẳn là một thế giới mà thiên nhiên không đầy dọa các sinh loại, không tàng ẩn các tai họa hay thâm họa bất ngờ. Ở đó thiên nhiên sẵn sàng cung cấp vật thực để chúng sinh duy trì sự sống, phát triển các quan năng; là những điều kiện cơ bản cho các tu tập thiền định. Trong bốn loại thức ăn mà Phật nói, đây là loại thức ăn thứ nhất, đoạn thực. Nói tóm lại, để cung cấp đoạn thực cho chúng sinh, Bồ tát xây dựng các cơ sở kinh tế, bao gồm cả việc xây dựng cầu đò, đường xá. Đây là phần tài thí và vô úy thí trong ba loại bố thí ba-la-mật của Bồ tát. Ngoài đoạn thực, chúng sinh cũng cần được nuôi dưỡng bằng sự xúc chạm. Mắt cần nhìn sắc; tai cần nghe tiếng. Nếu không được tiếp xúc với cảnh, căn sẽ thoái hóa. [5] Nhưng nếu tiếp xúc với các cảnh đưa đến khổ thọ, tức những giác xung đột, không như ý, căn sẽ bị tổn hại. Nếu thường xuyên nghe âm thanh chói chói, tai có nguy cơ điếc. Các căn tổn hại, khuyết tật, các đối tượng để tu tập thiền định do đó không được tiếp nhận rõ ràng sẽ gây nhiễu loạn tâm trí. Cho nên, Bồ tát xây dựng tịnh độ với thiên nhiên ưu đãi, cho đến tiếng chim hót, tiếng gió thổi, cùng các loại hoa, hương, thầy đều thuận tiện cho sự tu tập thiền định. Nói theo

ngôn ngữ thông tục, tịnh độ của Bồ tát, trong điều kiện tốt đẹp của xúc thực, là môi trường mỹ cảm, một thiên nhiên đầy cảm hứng nghệ thuật. Tất nhiên nó không đưa đến thác loạn, mà dẫn đến trạng thái tập trung tư duy thiền định, để làm nền tảng cho sự phát triển trí tuệ, quán sát yếu tính chân thật của tồn tại. Loại thực phẩm thứ ba, ý tư thực, hay tư niệm thực. Thức ăn để duy trì sự sống là hy vọng. Một đám người bị đắm thuyền, chơi vui giữa đại dương bao la, nhìn thấy đằng xa đồng bọt nước mà tưởng là đất liền, họ cố bơi đến. Khi đến nơi, thấy rõ đấy chỉ là đồng bọt nước, mất hy vọng, họ đuối sức, buông thả cho chìm lìm, và chết đuối. Bồ tát nuôi sống các chúng sinh trong cõi tịnh độ của mình bằng ý chí hướng thượng, bằng tâm bồ đề kiên cố.

Sau hết, thức thực, là thức ăn cho dòng tương tục tồn tại từ đời này sang đời khác.[6] Bởi vì tịnh độ của Bồ tát là thế giới tồn tại của chúng sinh, không phải dành riêng cho các Thánh giả. Các chúng sinh trong đó chết rồi tái sinh, lưu chuyển không ngừng. Bồ tát hướng dòng tương tục ấy đến Đại Niết-bàn.

Với hai loại thực phẩm trước, Bồ tát thực hành bố thí ba-la-mật với tài thí và vô úy thí. Với hai loại thực phẩm sau, Bồ tát thực hành pháp thí. Nói cách khác, theo ngôn ngữ thông tục, với hai loại thực phẩm trước, tịnh độ Bồ tát là thế giới tự nhiên hài hòa, mà sông, núi không là chướng ngại; đá sỏi, gai, thép các thứ không trở thành công cụ trừng phạt,

không trở thành vũ khí để tàn sát. Với hai loại thực phẩm sau, tính độ của Bồ tát là môi trường xã hội an bình, đạo đức, thuận tiện cho những phát triển tinh thần.

Bây giờ chúng ta quay trở lại phương tượng của Duy-ma-cát. Giả sử trong lúc các bậc đại trí giả đang thảo luận các đề tài đạo lý cao siêu, khi ấy chợt có một người nói đến chuyện ăn uống, người ấy tất bị xem thường. Song, chúng ta cũng biết rằng kinh Kim cang Bát nhã được thuyết sau khi Phật và các Tỷ kheo đi khát thực và ăn xong như mọi ngày. Nhìn từ nội dung của Kim cang, tư tưởng Đại thừa không thể là những mạn đàm không tưởng. Tất cả bắt đầu từ thực tế sinh hoạt thường nhật. Cho nên, ở đây, ý nghĩ của Xá-lợi-phất lại mở ra một thế giới khác, thực tế và sinh động.

Duy-ma-cát trả lời cho ý nghĩ của Xá-lợi-phất: “Phật dạy tám giải thoát. Nhân giả đã thọ hành. Há còn lẫn lộn giữa sự muốn ăn và nghe pháp sao?” Tám giải thoát, bắt đầu bằng sự siêu việt Dục giới, không còn cần thiết đến đoạn thực. Cho đến cuối cùng, diệt tận định, ở đó vượt qua cả ba giới, không còn tồn tại bất cứ loại thức ăn mang tính hữu lậu nào nữa. Xá-lợi-phất là vị Thanh văn bậc nhất trong các vị chứng diệt tận định. Đối với Ngài, các thức ăn hữu lậu không còn cần thiết. Và lại, ý nghĩ của Xá-lợi-phất chỉ nhắm đến đoạn thực, loại thực phẩm chỉ tồn tại trong Dục giới. [7] Các Thánh giả từ A-na-hàm trở lên vì sẽ không tái sinh Dục giới nữa, nên

loại thực phẩm này không còn cần thiết. Đối với các Thanh văn, Phật dạy quán sát bốn loại thức ăn này để thoát ly chúng và như thế để chấm dứt khổ: “Có bốn loại thức ăn giúp ích chúng sinh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời, đó là: một đoàn thực, hai là xúc thực, ba là ý tư thực, bốn là thức thực. Nếu các Tỷ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì ắt phải có ưu bi, có trần cấu. Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ, thì ắt không có ưu bi, cũng không có trần cấu.” [8]

Như vậy, điều rất có ý nghĩa là Xá-lợi-phất chỉ nghĩ đến “các Bồ tát này” sẽ ăn cái gì, chứ không hỏi về các Thanh văn. “Các Bồ tát này” là năm nghìn vị vừa mới chứng pháp nhãn vô sinh, mà quả vị chúng đang ở hàng kiến đạo, tức vừa mới thấy chân lý. Trong hàng Bồ tát, họ là các Bồ tát Sơ địa. [9] Trong hàng Thanh văn, họ tương đương các vị Tu-đà-hoàn. Tất cả những vị này đều còn tái sinh Dục giới. Hoặc do nghiệp báo, hoặc do bi nguyện. Còn trở lại Dục giới nên còn cần đến các loại thức ăn mà chính yếu là đoạn thực.

Dù bằng nghiệp lực, hay bằng bi nguyện, dù ở hàng Sơ địa hay Thập địa, hết thảy Bồ tát đều trở lại thế gian, do đó các ngài không khước từ giá trị dinh dưỡng của các loại thức ăn. Không như các Thanh văn quyết nhập Niết bàn ngay trong đời này, không tái sinh nữa, thì thức ăn các loại là những thứ không còn cần thiết, nên chấm dứt.

Trong một giới hạn nhất định, sự gán ghép bốn loại thực phẩm với sự nghiệp xây dựng Phật quốc thanh tịnh của Bồ tát có vẻ khiên cưỡng. Nhưng từ chỗ suy nghĩ đến sự ăn của Xá-lợi-phất mà những điều thần biến xảy ra tiếp theo đó, tất cả đều tập trung trên ý nghĩa của thức ăn; thế thì sự khiên cưỡng ở đây có thể chấp nhận được. Bởi vì giới hạn của ngôn ngữ, nên khi cần làm rõ một điều này không thể không nói đến một vài điều khác.

Để đáp ứng nghi vấn của Xá-lợi-phất, Duy-ma-cát giới thiệu một thế giới có tên là Chủng hương. Ở đó, tất cả mọi thứ, lâu đài, hoa viên, mặt đất, tất cả được tác thành bởi hương. Điều này quả thật khó nhận thức bởi chúng sinh trong quốc độ của chúng ta đây. Hương là đối tượng của ti căn hay khứu giác. Nó cũng được kể là một trong ba thành tố tạo nên đoạn thực. [10]

Thực phẩm nơi thế giới đó được mô tả là có mùi thơm cực kỳ vi diệu, lan tỏa đến vô lượng thế giới khác. Khi một phần cơm ăn dư của đức Phật Hương Tích của thế giới được mang về trong phương tượng của Duy-ma-cát, cả thành Tỷ-dà-ly đều thường thức mùi hương chưa từng có. Những người thọ dụng cơm này, từ nhà Duy-ma-cát, rồi trở về trong vườn xoài nơi Phật đang ngự, mà mùi hương vẫn còn thơm phức. Duy-ma-cát nói cho A-nan biết công dụng của loại thực phẩm hương này: với hạng phàm phu, cơm tồn tại đến 7 ngày mới tiêu hết. Hạng ấy chỉ hấp thụ được phần vật chất của

nó, nhưng không thể tiến cao hơn nữa. Đối với các Thanh văn, nếu chưa bước vào chính vị tức chưa dự vào hàng Thánh giả, mà ăn cơm này, cho đến khi nào chứng nhập Thanh quả, rồi địa vị phàm phu, bấy giờ cơm mới tiêu. Cho đến những vị đã chứng pháp nhãn vô sinh mà ăn cơm này thì khi nào đạt đến vị nhất sinh bố xứ tức còn một đời nữa sẽ thành Phật, bấy giờ cơm ấy mới tiêu. Loại thực phẩm như vậy quả là phương tiện hành Phật sự.

Diễn tả theo một hướng khác, thực phẩm như vậy là một loại hình ngôn ngữ chuyển tải tất cả ý nghĩa mẫu nhiệm của đạo lý. Đối với thế giới của chúng ta, ngôn ngữ trước hết là sự kết hợp các âm vận, [11] hoặc đơn âm hoặc đa âm, từ đó quy ước ý nghĩa và nội hàm của sự vật hay sự việc.

Khi một đối tượng được nhận thức được lưu trữ trong kho chứa của thức để sau này có thể truy cập như là hoài niệm hay kinh nghiệm, nó được lưu trữ với một tên gọi hay danh. Ảnh tượng được lưu trữ của nó bấy giờ là công năng tiềm thế, tồn tại ở đó cho đến khi hội đủ điều kiện thì tái hiện trở lại. Công năng ấy được gọi là danh ngôn tập khí, tức chủng tử được tích lũy dưới dạng danh ngôn. Một người phàm phu, chưa hề nghe nói đến Thánh đạo. Đối với người ấy, trong kho chứa không hề tồn tại công năng tiềm thế nào có thể tái hiện như là năng lực dẫn người ấy tiến đến Thánh đạo vô lậu. Nhưng sau một lần nghe nói đến một ý nghĩa nào đó liên hệ Thánh

đạo; tất nhiên những gì liên hệ đến Thánh đạo được nghe đó chỉ thuần là danh ngôn. Một danh ngôn luôn luôn vẫn là kết hợp nhiều ảnh tượng nhận thức. Thánh đạo vừa được nghe là điều chưa hề xảy ra trong bất cứ quá trình nhận thức nào trước đó. Nhưng, cũng giống như một người chưa hề thấy, cũng chưa bao giờ nghe ai nói đến sư tử là cái gì. Một lần, lần đầu tiên, được một người khác nói đến danh sư tử, với những mô tả chi tiết. Sự mô tả trung thực và sống động, do người nói hiểu rõ các tính chất của sư tử, và cũng nắm vững nghệ thuật diễn tả tức phương tiện thuyết giáo thiện xảo; bấy giờ các ảnh tượng rời rạc trong nhiều đoạn khác nhau từ ký ức của người nghe liên hệ đến ảnh tượng sư tử được ráp nối lại. Ảnh tượng ấy được lưu trữ bằng một danh ngôn. Từ đó về sau, nhiều lần nghe, nhiều lần tư duy về tồn tại của sư tử, về bản tình cũng như sinh hoạt của sư tử, nhiều lần như vậy, cho đến khi danh ngôn tập khí về sư tử đầy đủ điều kiện để tái hiện, người ấy có thể biết rõ sư tử là gì mà không cần tận mắt thấy.

Người được nghe về Thánh đạo cũng vậy. Luận Câu-xá[12] nói: "Pháp uẩn mà đức Mâu-ni nói, tính số đến 80 nghìn. Tùy quan điểm, hoặc thể của nó là ngữ tức thanh, mà liệt vào sắc uẩn; hoặc cho rằng thể của nó là danh, mà liệt vào hành uẩn." Điều này muốn nói bản chất của ngôn ngữ diễn đạt Thánh đạo trong thế giới này là âm thanh. Phật, Bồ tát, các Thanh văn vận dụng ngôn ngữ

như là phương tiện để đưa người đến giải thoát và giác ngộ. Nhưng trong các thế giới khác, phương tiện thuyết giáo, phương tiện để chuyên tài tư duy về Thánh đạo, không nhất thiết phải là ngôn ngữ. Cho nên, sau khi được Duy-ma-cát giải thích thực phẩm được mang về từ cõi Chúng hương chính là phương tiện chuyển tải Thánh đạo, là một loại hình ngôn ngữ, thì A-nan tán thán là điều chưa từng có, chưa từng nghe. Nhân đó, Phật nói với A-nan: Có cõi Phật lấy ánh sáng của Phật làm Phật sự. Ánh sáng như vậy là một loại hình ngôn ngữ khác chuyển tải Thánh đạo. Có cõi lấy y phục, ngọc cụ của Phật làm Phật sự. Có cõi lấy hoa viên, điện đài làm Phật sự. Cho đến, có bốn loại Ma, có tám vạn bốn nghìn cánh cửa phiền não; Phật lấy ngay các thứ đó làm Phật sự, như là phương tiện chuyển tải Thánh đạo để đưa tất cả đi vào cửa giác ngộ.

Sau khi giới thiệu loại thực phẩm vi diệu tối thượng từ thế giới Chúng hương, Duy-ma-cát hỏi trong số các Bồ tát vị nào có thể đến đó thỉnh một phần cơm về cho đại chúng ở đây dùng. Tất cả im lặng. Nhân đó, có nhận xét đặc biệt của Duy-ma-cát mà qua văn dịch có vẻ khinh bạc: "Nhân giả, đại chúng này há không đáng hổ thẹn sao?"[13] Và câu trả lời của Văn thù cũng là lời cảnh giác tương xứng: "Phật dạy, chớ khinh người chưa học." Chi tiết này quả thật thú vị nếu nhìn từ góc độ quan hệ xã giao thông thường, trong sự thù tiếp, trao đổi chủ khách. Bình giải sự kiện này, Khuy Cơ nêu lên bốn

lý do: Thứ nhất, khách đãi chủ là lẽ thường; cho nên không có tương hợp khách đi lấy cơm về cho chủ đãi. Văn-thù ngạc nhiên về yêu cầu của Duy-ma-cát, nên khiến đại chúng im lặng.[14] Thứ hai, các Đại sỹ cầu pháp, không quan tâm đến chuyện ăn uống, nên không đáp ứng yêu cầu của Duy-ma-cát. Thứ ba, các Bồ tát còn bị ô nhiễm bởi thức ăn, nên tuy được yêu cầu mà không đáp ứng. Sau hết, để Duy-ma-

cát tự mình thể hiện thần thông du hý tam-muội.

Dù sao, hai vị Đại sỹ này luôn luôn khiến các sinh hoạt thường nhật, xem có vẻ tầm thường, đều chuyển tải ý nghĩa chân lý siêu việt. Đó là mối quan hệ của hai phương diện nhìn về một thực tại, chân đế hay chân lý tuyệt đối, và tục đế, hay chân lý quy ước. (Còn tiếp)

## TUỆ SỸ

[1] Ác-xoa tụ 惡叉聚. Skt, akṣa/ rudrākṣa: hạt kim cang. Thành duy thức luận thuật ký (T43n1830, tr. 304b22): ác-xoa, giống như hạt vô thực 無食子, khi rụng thì gom thành đồng.

[2] Chỗ này Huyền Trang dịch khác với La-thập: "Sắp đến giờ ăn. Các vị Ma-ha-tát này thuyết pháp mà chưa đứng dậy, Thanh văn chúng ta cùng các Bồ tát sẽ ăn ở đâu." La-thập dịch sát với Phạn bản hơn: kālāḥ paryantībhūtaḥ/ ime ca mahāsattvā nittihanti kutraite paribhokṣyante, thời gian sắp hết rồi, mà các vị Ma-ha-tát này không đứng dậy. Họ sẽ ăn ở đâu."

[3] Duy-ma kinh chú 8 (tr. 399c): La-thập nói, độc nhất Xá-lợi-phất có ý nghĩ này vì ba lý do. Một, thể do nghiệp kết thành cần được nuôi dưỡng. Hai, tư tưởng đoạn tuyệt với cảnh giới quảng đại, tâm hướng đến pháp không sâu. Ba, suy từ những gì mình cần mà cho rằng người khác cũng vậy."

[4] Tập dị 8, tr. 400b02. Saṅgīti, D.iii. 211, 228: sabbe sattā āhāratthitikā.

[5] Tỷ-bà-sa, 129, T27n1545, tr. 674a1: thức ăn trường dưỡng các căn, tăng ích các đại chủng.

[6] Tập a-hàm 15, kinh 272: Phật bảo Phả-câu-na (Pāli Phagguna): "Ở đây Ta nói thức là thức ăn, vậy người nên hỏi như vậy: 'Do nhân duyên gì mà có thức ăn là thức?' Ta sẽ đáp: 'Thức ăn là thức, có thể chiêu cảm hữu trong vị lại khiến cho nó tiếp tục sanh; do có hữu nên có sáu nhập xứ; do sáu nhập xứ làm duyên nên có xúc.'" Pāli, S. ii tr.13 Phagguna: viññānāhāro āyatim unabbhavābhiniḍḍattiyā pac-cayo, tasmim bhūte sati saḷāyatanam, saḷāyatanapaccayā phasso' ti.

[7] Tỷ-bà-sa, 130, T27n1545, tr. 676a20: Dục giới có đủ cả 4 loại thực phẩm mà chính yếu là đoạn thực. Sắc giới có ba, trong đó xúc thực là chính. Vô sắc giới cũng có ba mà ba bậc dưới tư thực là chính; phi tưởng phi phi tưởng xứ, thức thực là chính.

[8] Tập A-hàm 15, kinh 375; xem thêm các kinh 372-379. Cf. Pāli: S. ii. tr. 103 (Atthirāga). Dẫn và giải thích của Tỷ-bà-sa 130, T27n1545, tr. 677a17.

[9] Đại bát nhã 449, T07n220, tr. 264b23: "Bồ tát bằng tư tưởng Không mà quán sát tất cả các pháp, đã nhập chính tính ly sinh của Bồ tát (=chúng nhập Sơ địa), không có gì là khả đắc, không có gì được tạo tác, tuyệt đối không sinh khởi. Do tuyệt đối không sinh khởi, nên đắc pháp nhãn vô sinh."

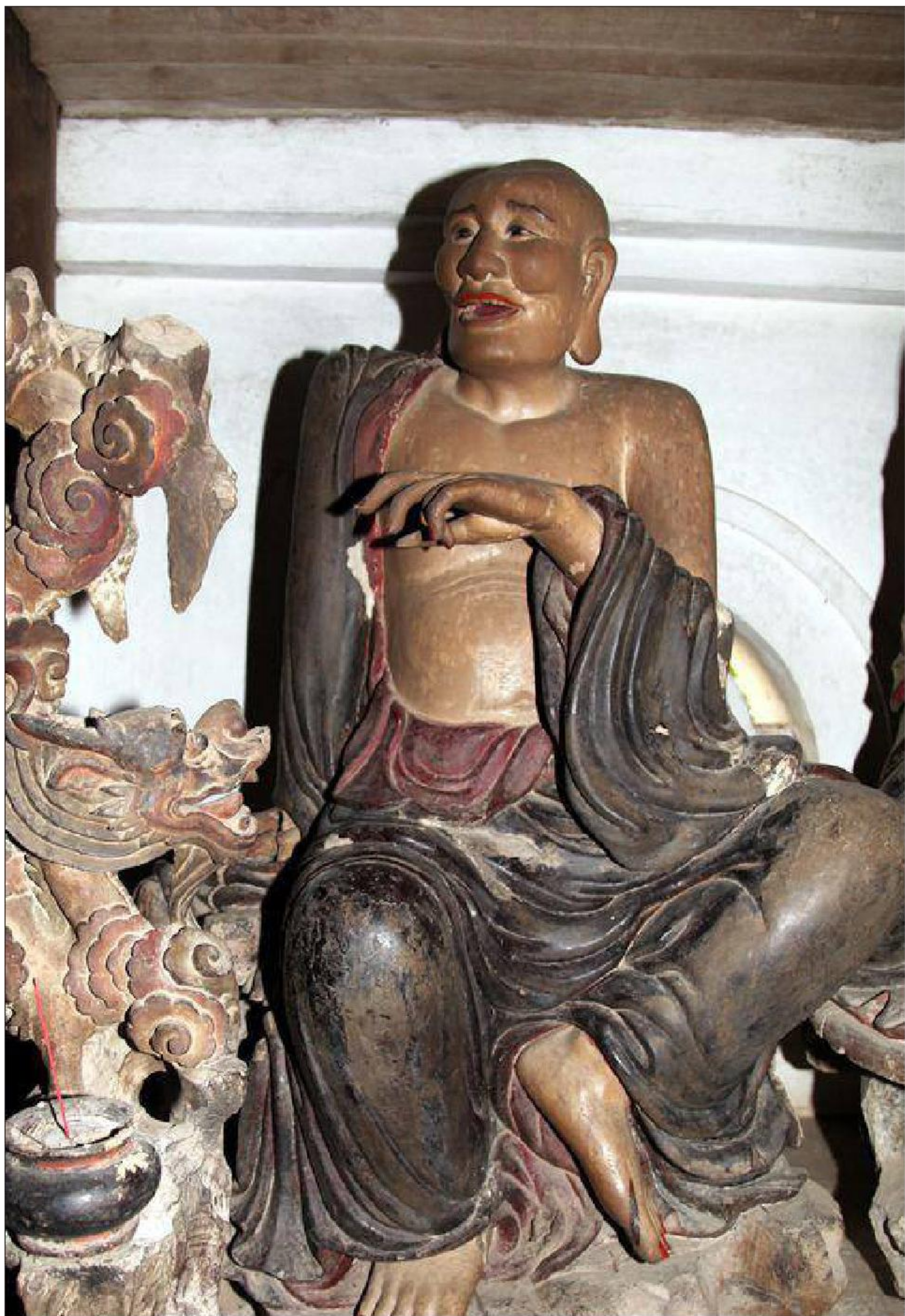
[10] Tỷ-bà-sa 129, T27n1545, tr. 674b22: thể của đoạn thực gồm ba xứ (āyatanāni): hương, vị và xúc.

[11] Mỗi vật được chỉ định bằng một danh (nāma). Các danh kết hợp thành cú (pada). Các nhà Hữu bộ liệt danh vào hành uẩn. Các nhà Kinh bộ liệt trong sắc uẩn vì cho rằng thể của danh là thanh (śabda). Cf. Câu xá 5, T29n1558, tr. 29a23.

[12] Câu-xá 1, T29n1558, tr. 6a29.

[13] Bản Phạn gần nghĩa với La-thập. Bản dịch của Huyền Trang làm cho câu văn có vẻ hài hòa hơn.

[14] Trí Khải, Cát Tạng, cũng bình giải đồng quan điểm.



# BIỂN CẢ?

NGUYỄN SIÊU

Mỗi khi mặt trời lặn, ánh nắng còn sót lại một vài tia chiếu rọi, trên bãi cát vàng, làm lóng lánh mặt nước xanh, muôn ngàn, vô trùng con sóng nhấp nhô nhẹ. Bóng hình tôi đổ dài trên lưng những con còng, con hến, cái rêu, con ốc, miên man như thời gian vô tận. Gió cứ thổi về phương trời vô định. Mây cứ trôi bồng bóng trên không. Biển cứ dạt dào như thì thầm tâm sự lòng sâu như đại dương vô để.

Bây giờ là mùa hạ, nên gió mát, nước trong, cát mịn, nhiều loài cua chân cao, chân thấp, cá thóc, con tằm đục hang loang lỗ trên tấm cát mịn màn của đất trời non nước. Một con ra khỏi hang. Hai con đang húc đầu đầu đá. Ba con đang bò nhanh đến đồng cát cao bên cạnh để kiếm mồi, và những đàn con khác đang lim dim phi bọt tí tách, tí tách, dương tròn đôi mắt trong mơ màng âm hưởng thiên thu thù tạc. Cái lẽ vô thường của tự thân hay khách thể.

Tưởng tượng mà đi. Những hạt cát lăn tròn. Những bọt sóng vô tan. Những hột nước xoi mòn bờ gềnh, sỏi đá. Từng mảng rong tấp vào bờ. Những loài ký sinh làm nhà trú ngụ. Từng xóm làng. Thôn ấp. Nhà cửa lâu đài trên mảng rêu rong bênh bồng đầy đó. Là thế giới của loài sống biển. Là thế giới phù du dong ruổi theo mạn nước trôi.

Biển gầm. Biển thét như lòng sân con người nổi dậy. Nước tạt vào bờ. Nước đập vào gềnh đá. Nước xô đổ bờ đê. Nước cuốn nhòa những đụn cát. Nước

đánh nát chân cua, còng làm tàn tật một đời cua biển mong manh.

Gió không thổi. Biển không gập. Biển im. Biển không sóng. Tĩnh lặng và sâu thẳm. Biển xanh và trong suốt như lòng người thanh thản, vạn vật đều tươi vui. Hiện rõ sum la vạn tượng mà từ thời Phật Oai Âm Vương đến bây giờ không thêm không bớt.

Lòng biển vẫn bao la, dung nạp, nuôi sống vô lượng loài thủy tộc. Biển Phát pháp mệnh mỏng vô lượng phương tiện cứu vớt vô lượng loài chúng sanh.

Tôi thấy mình soi bóng trên làn nước. Trời về chiều còn rơi rớt vài mảnh tia nắng cuối cùng của ngày yếu ớt nhạt nhòa, như còn lưu luyến cảnh vật, tượng hình. Cái thấy mảnh khánh của đất trời, mù khơi sương tuyết, làm sống dậy một tiếng gọi từ lòng biển sâu, hai tiếng gọi từ lòng biển sâu và nhiều tiếng gọi từ lòng biển sâu là âm hưởng hòa hợp bởi nước và sóng.

Từng giọt sương đêm. Hai giọt sương đêm lấp lánh lạnh, rơi trên mặt biển, làm biển lạnh. Biển im.

Biển bất động. Biển động. Biển ì rào. Biển nhấp nhô. Biển

bất tăng, bất giảm. Biển Phát pháp chảy vào tâm người thi giả A Nan đa văn cường kỷ, để lòng biển sâu luân lưu, tồn trữ hương vị giải thoát đến vô biên tế thời gian, không gian. Biển chẳng dung nạp từ thi. Biển thanh lương như giọt cam lồ giữa biển đời sinh tử, mà dấu chân người ra đi vào biển pháp môn vô lượng phương tiện tế độ chúng sanh quay về giác ngộ. Quay về bờ biển. Thấy rõ chân như. Xoay lưng lòng biển. Biển từ sinh. Biển của loài thủy tộc, của Long Vương, của ngao, tôm, hến, ốc.

Chân dung. Hình tượng. Mây trời. Khói sóng. Chỉ biển lưu giữ nơi lòng biển sâu, mà từ nhiều thời gian trước đến nay hằng thường chẳng mất. Từng hạt cát. Từng giọt nước. Từng sợi mây trời. Từng âm thanh bọt sóng bạc đầu ngồn ngang giữa lòng biển đời nhân thế.

Triết lý của biển sâu thẳm. Triết lý của biển trong suốt. Triết lý của biển nhấp nhô. Triết lý của biển cuồng nộ. Triết lý của biển phẳng lặng. Triết lý của biển như lăng kính tâm thức, thẩm thấu, chuyển chở tự thân qua bao kiếp luân hồi, luân lưu, lưu lạc, lạc loài từ độ phối pha. Bây giờ các loài cua còng, những chúng sanh đã đi ngủ. Mặt cát im lặng. Thình thoảng lấp liếm từng đợt sóng nhỏ rồi rút đi.

Nước thấm vào cát. Cát hiện thành thơ. Thơ thấm vào biển hát lời ngân nga. Ca ru gió ngàn làm yên mặt sóng. Biển ngủ. Như tâm người không xôn xang, đi vào thế giới như nhiên, bất động để thấy khuôn mặt soi hình trên ghềnh đá nhẵn nhụi, mà các thiền sư mài gạch làm gương, soi tâm mộng tưởng, như mặt biển phẳng lì soi ánh mây qua. Chim qua. Cát bụi qua. Đi qua mặt biển.

Có người hỏi tại sao biển xanh? Tại sao biển sâu? Tại sao biển vỗ vào bờ? và lắm lúc tại sao biển phong ba bão tố xô ngã mọi thành trì ngăn ngại? Vì biển lớn. Biển bao la. Nước biển mềm. Vô tướng. Vô hình. Vô dạng. Không nhất thiết giữ nguyên một dạng thế. Ở sâu thì biển xanh. Ở cạn thì biển trong, thấy từng hạt cát, từng loài rong rêu nhỏ nhiệm.

Biển bão tố là do phong cảnh tác động mà dậy sóng ba đào. Lòng chẳng nhất tâm là do khách trần phiền não dậy khởi. Sức mạnh của biển là vô tướng. Sức mạnh của gió là vô tướng. Cái gì vô tướng cái đó to lớn. Hư không vô tướng. Hư không vô cùng. Lòng rộng không vô chấp, lòng thênh thang như thái hư.

**NGUYỄN SIÊU**

# Biển Đảo Hận Ca

Ai cũng nói xưa Tàu đô hộ  
1000 năm ta có mất nước đâu  
100 năm Tây trên đất Việt  
Nước vẫn còn nguyên đâu có mất mảnh nào

Ta không mất vì lòng dân về một mối  
Một mối từ vua quan cho đến thứ dân  
Ngậm đắng nuốt hờn nhưng trái tim vẫn hừng hực cháy  
Vẫn cùng chung chí hướng giữ vững nước non nhà

Cả một nước từ trên xuống dưới  
Khư khư ôm trong lòng từng mảnh đất cha ông  
Ngoại bang đô hộ, dân lành khốn khổ  
Một mảnh sông con vẫn chảy trong lòng

Ta không mất vì không chia không bán  
Người lãnh đạo dân không giấu mặt cúi đầu  
Đảo với đất không phải của riêng cho một số người có quyền định đoạt  
Như món đồ riêng trong túi lấy cho đi

Hoàng Sa hận Trường Sa ôm mặt khóc  
Nước mắt này mặn như giọt biển kia  
Những con tàu Việt Nam chưa ra khơi đã đắm  
Những ngư dân chết đuối ngay trên bờ

Mỗi quốc gia có riêng bầu trời gọi là không phận  
Dưới bầu trời hải phận có làn ranh  
Không phải vì kẻ nào có sức mạnh có quyền xóa biển  
Kẻ yếu chỉ biết đứng nhìn và thế giới lặng thinh

Hãy trả lại Hoàng Sa  
Hãy trả lại Trường Sa  
Đảo của biển Việt phải thuộc về nước Việt

Nếu ta không giành lại đảo hôm nay  
Nếu ta không giành lại đất hôm nay  
Nếu ta không giành lại biển hôm nay  
Ngày mai ta sẽ mất cả bầu trời.

**TRẦN MỘNG TÚ**

Ngày 5 Tháng 5 năm 2014



# VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẦU TÂY HỌC

ĐOÀN VIẾT HOẠT

Paul Doumer, Toàn quyền Đông dương, trong báo cáo gửi về Pháp năm 1902, cho rằng kể từ năm 1897 “không một lính Pháp nào bị giết nữa”. Trong thực tế, các cuộc kháng chiến vũ trang chống Pháp, khởi đi ngay từ khi Pháp chiếm Nam kỳ năm 1862 chỉ thật sự tạm chấm dứt năm 1913 khi Hoàng Hoa Thám tử trận – tạm chấm dứt vì song song với các cuộc kháng chiến vũ trang, giới sĩ phu yêu nước vẫn không ngừng chống đối sự đô hộ của người Pháp bằng nhiều hình thức khác nhau. Những gì xảy ra tại Trung Hoa và Nhật Bản cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 cũng đã tác động mạnh mẽ vào giới sĩ phu yêu nước dẫn đến những thay đổi quan trọng trong tư tưởng và hành động của họ, vừa trong cuộc đấu tranh giành độc lập vừa trong đường lối xây dựng một nước Việt mới.

Tại Trung Hoa, sau khi thất bại trong các trận đánh với một số nước Âu châu, và với Nhật bản, nhiều sĩ phu và quan lại đã đưa ra các chủ trương canh tân – từ cuộc “vận động tự cường” do Tăng Quốc Phiên và Lý Hồng Chương chủ xướng đến “Mậu Tuất biến pháp” do Khang Hữu Vi đưa ra. Những cố gắng canh tân này được tiến hành trong những thập niên cuối cùng của thế kỷ 20, không những đã quá trễ, mà trong thực tế còn bị Từ Hy Thái Hậu, người nắm thực quyền trong triều đình nhà Thanh lúc đó, bác bỏ. Năm 1908, khi vua Phổ Nghi lên ngôi lúc mới 2 tuổi, nước Trung Hoa bước vào giai đoạn cuối cùng của thể chế quân chủ tồn tại hơn 2000. Những vận động chính trị cách mạng bên ngoài triều đình đã thành công, đưa Trung Hoa đến thể chế cộng hòa sau cuộc cách mạng Tân Hợi 1911.

Những biến động này tại Trung Hoa không giúp gì cho triều đình và giới sĩ phu Việt Nam trong việc đối phó với quân Pháp vì kể từ năm 1884 người Pháp đã chiếm đóng toàn cõi Việt Nam. Trung Hoa quá rộng lớn nên chỉ bị các nước Âu châu chiếm đóng vài vùng nhỏ nhằm mục đích thương mại. Nhờ đó, các sĩ phu yêu nước còn có thời gian để kịp thực hiện thành công cuộc cách mạng dân tộc dân chủ chấm dứt chế độ quân chủ mở ra thời kỳ mới cho Trung Hoa. Trong khi đó tại Việt Nam, từ năm 1862 khi miền nam Việt Nam đã rơi vào vòng Pháp thuộc, đa số sĩ phu yêu nước ở cả ba miền đất nước phải tập trung vào cuộc kháng chiến vũ trang giành độc lập.

Nhật Bản là quốc gia thứ hai đã tác động lên tư tưởng của giới sĩ phu Việt Nam nhưng muộn hơn, có lẽ là sau trận chiến tranh

Trung-Nhật (1894-1895) nhưng rõ nhất là sau khi hạm đội Nga bị hạm đội Nhật đánh bại tại eo biển Đối Mã giữa Triều Tiên và Nhật Bản năm 1905. Trước đó hạm đội Baltic của Nga, trên đường lên phía bắc để làm trận đả ghê vịnh Cam Ranh. Huỳnh Thúc Kháng, trong tự truyện, cho biết ông cùng hai chí sĩ khác là Trần Quý Cáp và Phan Chu Trinh đã giả làm thương nhân lên tàu Nga quan sát.

Một hạm đội tàu thuyền tối tân như thế chắc đã gây ấn tượng mạnh cho ba chí sĩ Việt, nhưng sau đó tin tức về việc Nhật đánh bại hạm đội Nga chắc chắn còn tạo tiếng vang lớn hơn nữa trong toàn giới sĩ phu Việt lúc đó. Có thể tin tức chi tiết về chương trình canh tân của Nhật chưa đến Việt Nam, và có thể chỉ sau chiến tranh Trung-Nhật và nhất là sau sự biến Cam Ranh, giới sĩ phu Việt Nam mới chú

Nhu Hoài Thanh đã nhận xét trong cuốn Thi Nhân Việt Nam: "Ảnh hưởng Pháp đã giúp ta nhận thức cái cá tính của ta. Hoặc trở về thơ Việt xưa, hoặc tìm đến thơ Đường, thơ Pháp, đi đâu thì ta cũng cốt tìm ta. Ta tìm và nhiều lần ta đã gặp." Bối cảnh đó đã tạo môi trường và điều kiện xuất hiện các cuộc vận động văn hóa chính trị mới vừa chống Pháp giành độc lập, thích hợp hơn và hữu hiệu hơn, vừa mở đường cho việc tìm tòi một hướng đi mới cho dân tộc trong thời đại mới. Cuộc phục hưng và phục hoạt Việt đã uơm mầm từ đó.

tâm vào Nhật Bản thay vì Trung Hoa trên đường đi tìm ngoại viện trong cuộc chiến đấu chống Pháp. Và đến lúc đó những tư tưởng chính trị Nhật Bản mới ảnh hưởng đến một số sĩ phu yêu nước vừa không thể chấp nhận theo Tây học vừa chưa thấy một triển vọng sáng sủa nào nơi chính giới Trung Hoa. Để từ đó xuất hiện phong trào Duy tân và Đông du thay vì Bắc du mà chúng ta sẽ đề cập đến trong bài tới.

Do đó, khác với Trung Hoa và Nhật Bản, Việt Nam đã mất thế chủ động quá sớm trước khi có thể tiến hành các canh cải cần thiết để đối phó với phương Tây. Và khi mà các cuộc kháng chiến vũ trang thất bại, giới sĩ phu yêu nước đã chia thành hai khuynh hướng trên đường đấu tranh giành độc lập. Một hướng chủ trương giành độc lập trước canh tân sau để không bị nô lệ Pháp,



PHẠM QUỲNH (1892-1945)

một hướng cho rằng cần canh tân trước mới đủ sức giành được độc lập. Khuynh hướng trước do Phan Bội Châu lãnh đạo, khuynh hướng sau do

Phan Chu Trinh đề xướng. Điều đáng chú ý là cả hai vị này, trước khi tích cực vận động cho khuynh hướng chính trị của mình,

đều đã vào thăm Hoàng Hoa Thám tại căn cứ kháng chiến của ông trong thời gian vị lãnh đạo kháng chiến vũ trang này tạm đình chiến với Pháp.

Không có sử liệu nào cho thấy các sĩ phu tài danh này đã trao đổi những gì với con Hùm Xám Yên Thế. Người ta chỉ có thể suy đoán là cả hai đều thấy rõ cuộc kháng chiến vũ trang như thế không thể thành công. Để từ đó hai ông đã quyết tâm thực hiện cuộc mưu cầu đại sự theo cách của riêng mình. Có thể nói cả hai ông, dù có hai nền học vấn khác nhau, chịu ảnh hưởng bởi hai luồng tư tưởng khác nhau, cũng đều hiểu rằng thời thế đã khác.

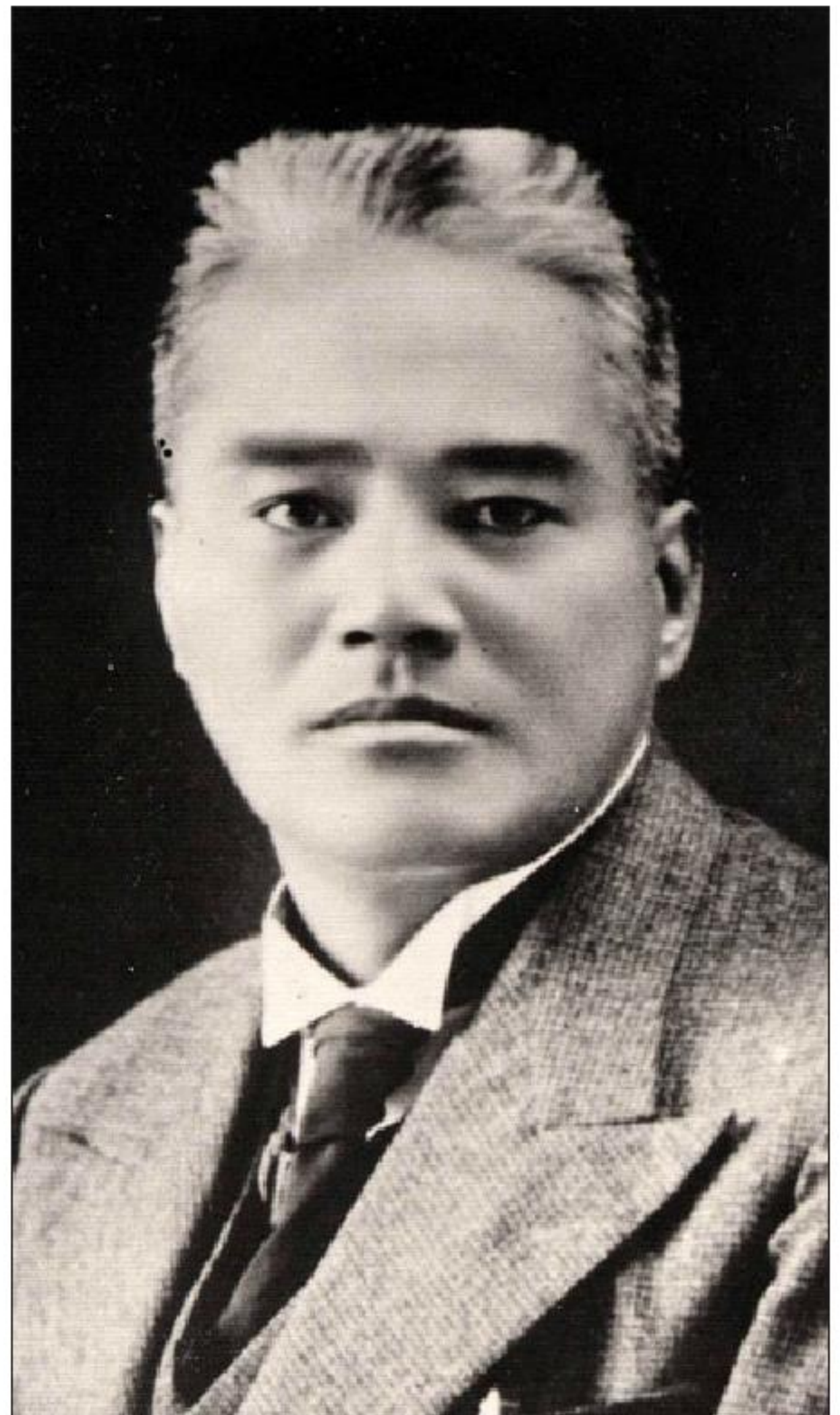
Trong thực tế, người Pháp đã ổn định được tình hình Đông Dương, đã bắt đầu tiến hành công cuộc đồng hóa toàn diện Việt Nam. Một nước Việt mới đang ra đời bất chấp nhân dân và sĩ phu Việt có muốn và có chấp nhận hay không – một nước Việt thoát khỏi vòng ảnh hưởng của văn minh Hán đã tồn tại suốt cả ngàn năm nhưng lại bị Âu hóa cho đến ngày nay.

Khi Paul Doumer cho rằng kể từ năm 1897 không còn người lính Pháp nào bị chết chỉ có một ý nghĩa như thế. Và cũng chính Paul Doumer là Toàn quyền Pháp đầu tiên tiến hành một chương trình xây dựng một Đông Dương mới, mà trước hết là một nước Việt hiện đại, với đường quốc lộ 1 và đường hỏa xa song song cùng chạy xuyên bắc nam Việt Nam. Với người dân Việt lúc đó chắc chắn những công trình này đã tạo nên những ấn tượng và tác động to lớn. Thêm vào đó là những hoạt động kinh tế, thương mại, công xưởng kỹ nghệ, ngân hàng, và sau cùng là giáo dục – những chương trình kiến thiết hoàn toàn mới

lạ. Chính nền giáo dục tây học, lúc đầu còn phôi thai, dần dần phát triển rộng khắp, qua hệ thống trường ốc qui mô hiện đại, từ sơ học đến đại học, đã làm thay đổi hoàn toàn lối suy nghĩ của tầng lớp trí thức mới, nhất là tại các thành thị. Từ phong tục tập quán, đến ngôn ngữ, âm nhạc, hội họa, văn thơ, cho đến các buổi lễ hội... hầu như không có một khía cạnh nào trong đời sống thường ngày của người Việt mà không bị tác động và thay đổi.

Nền văn hóa tư tưởng Pháp vào Việt Nam trước hết qua việc quảng bá Pháp ngữ, và các công trình dịch thuật. Công việc này tạo ra hai tác dụng song hành nhưng lại dẫn đến hai hiệu quả khác nhau. Pháp ngữ trở thành ngôn ngữ chính thức của nhà nước, nhưng quốc ngữ lại có dịp phát triển và trở thành ngôn ngữ của xã hội, của người dân. Lúc đầu, người Pháp chỉ muốn dùng quốc ngữ như một chuyển ngữ vừa để chấm dứt Hán tự vừa để dẫn vào Pháp ngữ. Nhưng chính những trí thức Việt Tây học đầu tiên đã giúp quốc ngữ trở nên phổ thông qua công trình dịch thuật của họ.

Ở Nam kỳ có Trương Vĩnh Ký mà chúng ta đã nói đến trong bài trước. Ngoài ra, còn có hai người nữa cũng đi đầu trong công việc này là Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh. Cả hai đều cộng tác với Pháp. Cả hai đều theo chủ trương "Pháp-Việt đề huề" do các Toàn quyền Pháp đề ra. Cả hai đều sử dụng quốc ngữ và tích cực phổ biến quốc ngữ. Phạm Quỳnh nổi tiếng với câu nói: "Tiếng Việt còn,



NGUYỄN VĂN VINH (1882-1936)

nước Việt còn". Nguyễn Văn Vĩnh cũng nói "Nước Nam sau này hay dở cũng ở chữ quốc ngữ". Phạm Quỳnh chuyên dịch các sách về tư tưởng, về triết học và chính trị, còn Nguyễn Văn Vĩnh thường dịch các tác phẩm văn chương nghệ thuật.

Hai hiện tượng giúp vào việc phổ biến quốc ngữ và văn hóa tư tưởng Pháp và phương Tây là sách in và báo quốc ngữ, trong đó sách dịch đóng vai trò quan trọng, còn báo chí là một hiện tượng hoàn toàn mới đối với người Việt, nhất là báo quốc ngữ. Ngay khi người Pháp

chiếm Nam Kỳ đã có tờ báo quốc ngữ đầu tiên, tờ Gia Định báo, ra mắt ngày 25 tháng 4 năm 1865 tại Sài Gòn, do Trương Vĩnh Ký làm chủ nhiệm, và Huỳnh Tịnh Của làm chủ bút. Từ đó tiếp tục xuất hiện các tờ báo quốc ngữ khác khắp ba miền. Cho đến năm 1930 hầu hết các báo xuất bản trên toàn cõi Việt Nam đều là báo quốc ngữ.

Trong khi đó, trong các trường học sơ cấp và trung cấp, quốc ngữ chỉ được giảng dạy như ngôn ngữ phụ, và càng học lên cao Pháp ngữ càng trở thành ngôn ngữ chính và gần

như duy nhất. Nhờ các sách dịch và các báo quốc ngữ, quốc ngữ trở thành ngôn ngữ chính trong xã hội và được đại đa số nhân dân sử dụng. Các trí thức yêu nước cũng tích cực phổ biến quốc ngữ như một phương tiện vận động canh tân đất nước, mở mang dân trí và chống lại sự đô hộ của người Pháp. Quốc ngữ trở thành khí cụ tinh thần của người dân bị trị, còn Pháp ngữ là công cụ cai trị và đồng hóa của chính quyền thuộc địa. Hai làn ranh ngày càng rõ nét. Thượng tầng xã hội do tầng lớp thống trị thực dân chiếm lĩnh. Nhân dân tại đáy tầng, nền tảng của xã hội, của dân tộc, vừa duy trì văn hóa và sinh hoạt tinh thần của dân tộc, vừa phát huy truyền thống yêu nước chống nô lệ, qua thơ ca, ca dao, tục ngữ, vè và chữ quốc ngữ. Nền văn hóa dân gian trước kia chỉ truyền khẩu ngày nay người dân đã có chữ viết. Chính từ nơi nền tảng văn hóa đáy tầng này mà tinh thần độc lập dân tộc luôn được nuôi dưỡng để chờ cơ phục dậy, thời nào cũng thế. Khác chăng là từ đầu thế kỷ 20, dưới thời Pháp thuộc, đáy tầng dân tộc có thêm quốc ngữ. Với chữ quốc ngữ dễ học dễ đọc, kiến thức và văn hóa mới của thế giới được truyền bá rộng khắp, thấm thấu vào mọi tầng lớp nhân dân, đem đến những chất liệu mới bồi dưỡng thêm cho nền văn hóa dân tộc, vốn vẫn tiềm tàng nơi xóm làng dân giã. Từ nay hai lớp trí thức và bình dân đã có chung một chữ viết, một hiện tượng thiếu vắng suốt chiều dài lịch sử tiền Pháp thuộc. Đây là một thành quả mà thực dân Pháp không dự trù và

cũng không mong muốn – một trong nhiều thành quả quan trọng mà sự giao tiếp với phương Tây đã đem đến cho dân tộc chúng ta.

Và như thế, vào những thập niên đầu của thế kỷ 20, tại ba miền Việt Nam, một tầng lớp trí thức mới đã ra đời đồng thời với sự hình thành một quần chúng Việt mới, đặc biệt là thế hệ trẻ sinh ra vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 tại các thành thị mới phát triển. Bối cảnh này là kết quả của chính chương trình xây dựng và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Chính bối cảnh đó đã thúc đẩy thế hệ trí thức mới tìm về dân tộc như một kích thích cội gốc cho cuộc vận động độc lập, như Hoài Thanh đã nhận xét trong cuốn *Thi Nhân Việt Nam*: “Ảnh hưởng Pháp đã giúp ta nhận thức cái cá tính của ta. Hoặc trở về thơ Việt xưa, hoặc tìm đến thơ Đường, thơ Pháp, đi đâu thì ta cũng cốt tìm ta. Ta tìm và nhiều lần ta đã gặp.”

Bối cảnh đó đã tạo môi trường và điều kiện xuất hiện các cuộc vận động văn hóa chính trị mới vừa chống Pháp giành độc lập, thích hợp hơn và hữu hiệu hơn, vừa mở đường cho việc tìm tòi một hướng đi mới cho dân tộc trong thời đại mới. Cuộc phục hưng và phục hoạt Việt đã uơm mầm từ đó.

(16/5/2014)

**ĐOÀN VIẾT HOẠT**

## PHẬT GIÁO VIỆT NAM BIẾN CỐ và TƯ LIỆU (1975-1995)

Theo tư liệu Văn Phòng II Viện Hóa Đạo,  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ, 1996

**27.3.1992: HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỘ TRỞ VỀ SÀI GÒN:** Sau hơn mười năm bị trục xuất khỏi Thanh Minh Thiền Viện, Hòa Thượng bị lưu đày từ Sài Gòn ra tỉnh Thái Bình, Bắc Việt, Hòa thượng Thích Quảng Độ tự ý rời miền Bắc trở vào Nam vào ngày 27.3.1992. Công an tỉnh Thái Bình đã bác nhiều lần đơn xin đi đường của Hòa thượng và cuối cùng, ngài phải tự ý ra đi. Về đến Sài Gòn, Hòa thượng viết thư thông báo cho Ủy Ban Nhân Dân phường 15, quận Phú Nhuận rõ việc trở về chùa cũ của ngài.



THANH MINH THIỀN VIỆN - hình: internet

**20.4.1992: CÔNG AN CẤM HÒA THƯỢNG CƯ TRÚ TẠI THANH MINH THIỀN VIỆN:** Gần một tháng sau khi Hòa thượng Quảng Độ viết đơn thông báo việc trở về Thanh Minh Thiền Viện, công an thành phố Hồ Chí Minh mới phúc đáp bằng một công văn số 47/TL/PC13, đề ngày 20/4/1992, với lời yêu cầu Hòa thượng phải “chấp hành đúng thời gian quy định”, tức là phải rời Thanh Minh Thiền Viện, nơi mà Hòa thượng là Viện chủ, để ra Bắc trước ngày 19.4.1992. Cũng cần nhắc thêm ở đây là trong suốt thời gian Hòa thượng Quảng Độ trở về Thanh Minh Thiền Viện, công an đã ngày đêm canh gác bao vây và ngoài thiền viện. Ai ở ngoài bước vào thiền viện hoặc từ thiền viện bước ra đều bị theo dõi; có người còn bị giữ để tra hỏi.

# THỰC DÂN, NÔ LỆ, ĂN MÀY

**NGUYỄN HOÀNG VĂN**  
trích Ngôn Ngữ và Quyền Lực  
Người Việt Books xuất bản, 2014

**T**háng Ba năm 1906, phần nọ trước hình ảnh người Trung Quốc hã hề thường thức cảnh lính Nhật cắt cổ đồng bào mình trên màn ảnh trong một giảng đường y khoa tại Nhật, Lỗ Tấn đã dứt khoát từ bỏ hoài bão làm thầy thuốc nhen nhúm từ tấm bé và nung nấu khát vọng canh tân ở tuổi chớm biết ưu tư để lao vào cái nghề cầm bút nghiệt ngã, bấp bênh. Làm thầy thuốc thì chỉ có thể chữa những bệnh tật trên thể xác của con người. Cái mà dân tộc Trung Hoa cần chữa là những căn bệnh sâu trong tinh thần của mấy trăm triệu người.[1]

Tháng Tư năm 2010, những triệu chứng của chứng bệnh ấy lại lộ ra, không với dân tộc của Lỗ Tấn mà với chúng ta. Khi một bậc chuẩn khoa bằng ngành American Studies, qua sự tiếp tay của một nhà truyền thông, bực dọc đưa ra “Một cách nhìn khác về tinh thần dân tộc” để biện minh cho sợi thông lọng mà hệ thống toàn trị láng giềng đang siết dần vào cổ họng đất nước mình, cả hai đã hã hề thường thức tương tự, không hơn không kém. [2] Hã hề trước những tâm cảm nhức nhối về thân phận nhược tiểu của đất nước mình. Hã hề trước tình cảnh điêu đứng của

những anh em chú bác mình, những người vừa cần rặng chịu đựng một chính quyền không ra chính quyền, vừa bươn chải chịu đựng gĩa lạng giềng đang tập tành tướng đi đế quốc nhưng chưa bao giờ ra dáng đế quốc bởi không thể gột bỏ hết bản chất vô sản lưu manh kiểu bản cố nông đấu tố như có thể thấy qua những hành vi cướp biển bản tiện, nhỏ mọn.[3] Và khi hã hề thường thức như thế, những con bệnh tim não cùng những ung hộ viên khác đã thường thức với sự mãn nguyện của những đầu óc nô lệ, ăn mày.

Tôi không hề quá đáng, nặng lời. Khi cho rằng người Việt phải tri ân hệ thống toàn trị Trung Hoa qua những khoản đầu tư đã bỏ ra trong thời chiến, bậc chuẩn khoa bằng suy nghĩ có khác nào hạng ăn mày khi ghi tâm khác cốt những ân huệ bố thí mà không đếm xỉa gì đến động cơ hay cung cách bố thí?[4] Và khi khẳng định rằng mình hoàn toàn đúng bởi đã hành xử chính xác theo “Tiêu chuẩn biên tập BBC”, nhà truyền thông nổi giáo cũng chỉ thể hiện một đầu óc nô lệ mà Phan Khôi đã chỉ ra trên Phụ Nữ Tân Văn hơn 80 năm trước: “Chẳng những một mình

[1] Cha mất từ rất sớm và kỷ ức tuổi thơ gắn liền với hình ảnh của tiệm cầm đồ và tiệm thuốc; cầm đồ xong thì đến tiệm thuốc mua thuốc. Lớn lên muốn theo đuổi khoa học và nghe tin cuộc canh tân của Nhật khỏi sự từ việc du nhập y khoa hiện đại Tây phương, Lỗ Tấn đã theo học tại Học viện Y khoa Tiên Đài (Sendai Medical Academy). Nhập học từ năm 1904, đến năm 1906 thì bỏ học để lao vào hoạt động văn

học. Chuyện được kể lại trong lời nói đầu của tuyển tập tập truyện ngắn Gào thét (Call to Arms), đề ngày 3/12/1922: “[...] These inklings took me to a provincial medical college in Japan. I dreamed a beautiful dream that on my return to China I would cure patients like my father, who had been wrongly treated, while if war broke out I would serve as an army doctor, at the same time strengthening

my countrymen's faith in reformation. I do not know what advanced methods are now used to reach microbiology, but at that time lantern slides were used to show the microbes; and if the lecture ended early, the instructor might show slides of natural scenery or news to fill up the time. This was during the Russo-Japanese War, so there were many war films, and I had to join in the

clapping and cheering in the lecture hall along with the other students. It was a long time since I had seen any compatriots, but one day I saw a film showing some Chinese, one of whom was bound, while many others stood around him. They were all strong fellows but appeared completely apathetic. According to the commentary, the one with his hands bound was a spy working for the Russians, who was to have



ông, tôi thấy có nhiều người cũng nói như ông vậy. Họ nói: Quốc ngữ viết thế nào cũng được, không cần phân biệt t với c, có g với không g. Nói vậy thì sao họ học chữ Pháp họ lại phải viết theo từng nét? Sao họ không viết là ving đi mà phải viết vingt? Sao họ không nói 'j'alle', 'tu alles', 'il alles' đi mà lại phải nói 'je vais', 'tu vas', 'il va'? Tôi mong rằng rày về sau đừng có ai nói như ông nữa mà làm cho tôi thương tâm quá! Vì trong sự này tôi thấy ra cái tánh nô lệ của người ta: các anh bồi từ phòng khách đến phòng ăn, phòng ngủ của Tây thì các anh giữ quét dọn sạch sẽ luôn;

còn chỗ xó của vợ chồng anh ấy nằm thì tha hồ là dơ dáy. Song nó lệ cách này còn được; chớ nó lệ cách kia thì thôi, hết mong gì nữa!" [5]

Thì cũng là cái cảnh "hết mong gì nữa". Người thì chăm chút "quét dọn sạch sẽ" sao cho đúng "tiêu chí biên tập" của kẻ giữ sổ lương, còn lại "tha hồ là dơ dáy". Người thì, như một nghiên cứu sinh ngành American Studies, chắc chắn sẽ không bao giờ dám bộc lộ sự "bực dọc" tương tự trước những George Washington hay Benjamin Franklin, những người Mỹ đã dứt bỏ mối ràng buộc với nước Anh,

cái mẫu quốc mà thuộc địa Mỹ "từ đó mà ra". Từ những kẻ trong "xó nằm dơ dáy" cho đến hạng học thức hơn, sang cả hơn, chân trời đã rộng mở rất nhiều. Nhưng có mở đến đâu cũng vậy, cũng chỉ là cái tinh thần ở độ và do đó vấn đề không thuộc về những cá nhân cụ thể mà là cái hình bóng chung thấp thoáng sau lưng họ, sau lưng những ủng hộ viên nhăng nháo, những kẻ đang lật bạt mưa may với những "ân phúc" hay tinh hoa văn hoá Trung Hoa để làm nhiều loạn mối ưu tư của cộng đồng Việt về sự sinh tồn trong mai hậu.

Như thế thì phải tìm hiểu kỹ hơn cái hệ số chung "bồi". Như một chuẩn siêu cường đang lên, nước Trung Hoa hãnh tiến hôm nay đang càng ngày càng ra dáng thực dân và hệ quả là sự hình thành của lớp bồi Tàu đương đại, như một sự tiếp nối của những lớp "quảng vừa hương xô bàn độc" / "chia rượu lạt gặm bánh mì" thượng lưu hay hạ đẳng ngày trước.[6] Nếu sức mạnh cơ giới của thực dân Pháp từng khiến một Tôn Thọ Tường khiếp đảm đến độ đầu hàng không điều kiện Miệng cộp hàm rỗng chưa dễ chọc / Khuyên đàn con trẻ chớ thầy lay thì sức mạnh của thực dân

his head cut off by the Japanese military as a warning to others, while the Chinese beside him had come to enjoy the spectacle. Before the term was over I had left for Tokyo, because after this film I felt that medical science was not so important after all. The people of a weak and backward country, however strong and healthy they may be, can only serve to be made examples of, or to witness such

futile spectacles; and it doesn't really matter how many of them die of illness. The most important thing, therefore, was to change their spirit, and since at that time I felt that literature was the best means to this end, I determined to promote a literary movement." [2] Đỗ Ngọc Bích, "Một cách nhìn khác về tinh thần dân tộc" [http://www.bbc.co.uk/vietnamese/forum/2010/04/100417\\_do\\_ngoc\\_bich.shtml](http://www.bbc.co.uk/vietnamese/forum/2010/04/100417_do_ngoc_bich.shtml)

Truy cập ngày 25.5.2010.  
Và:  
Nguyễn Giang, "Về bài của tác giả Đỗ Ngọc Bích trên BBC", <http://www.bbc.co.uk/blogs/vietnamese/2010/04/ve-bai-cua-ba-do-ngoc-bich-tre.html>  
Truy cập ngày 25.5.2010.  
[3] Khi chính quyền không đủ sức, thậm chí không có đủ dũng khí để bảo vệ người dân thì nó không ra dáng một chính quyền nữa. Và đó không phải là hiện

tượng cá biệt mà lặp đi lặp lại, không chỉ mất tài sản mà có khi còn mất mạng. Xem thí dụ gần nhất: Trà Minh, "12 ngư dân được thả sau khi nộp 200 triệu đồng tiền chuộc", Tuổi Trẻ 15.5.2010.  
<http://tuoitre.vn/Chinh-tri-Xa-hoi/378771/12-ngu-dan-duoc-tha-sau-khi-nop-C2%A0200-trieu-C2%A0dong-tien-chuoc-C2%A0.html>

Trung Hoa hôm nay cũng đang thai nghén nên một lớp kế thừa tương tự.[7] Nhưng thần phục thực dân cũng có nghĩa là thần phục sức mạnh. Náo trạng nô lệ và ăn mày thực dân, thực chất, cũng chỉ là biểu hiện của náo trạng nô lệ và ăn mày trước sức mạnh chính thống.

Khuynh hướng phò thực dân, như thế, chỉ là biểu hiện nhất thời và sa đoạ của khuynh hướng phò chính thống. Và nếu khái niệm "thực dân" luôn được hiểu như là những thế lực đến từ bên ngoài thì đã đến lúc chúng ta phải nhận diện thứ "thực dân" sinh sản bên trong.[8] Khi quyền lực chính thống tự tách mình ra, không nương tay bóc lột cộng đồng để phục vụ lấy mình như một cộng đồng con, nó đã là hiện thân của một thứ "thực dân". Nội hoá hay ngoại hoá, đã đối phó với khát vọng sống của cộng đồng thì thứ thực dân nào cũng ngay ngáy kiểm duyệt để che đậy bản chất ăn cướp và bóc lột của mình. Nhưng kiểm duyệt cũng chỉ là một biện pháp cụ thể trong mục tiêu ngu muội hoá con người, như một đường lối nhất quán. Khi hệ thống toàn trị sắt máu hơn cả chính quyền thực dân trong chính sách ngu muội hoá ấy, nó đã sợ hãi sự thật và mong mỏi công dân của

mình ngu dốt hơn cả thế lực cai trị bên ngoài đã từng sợ và từng mong.[9] Như thế, nếu cái mũ cối được xem là biểu tượng của chủ nghĩa thực dân phương Tây thì hệ thống toàn trị hiện tại không chỉ kế thừa từ thực dân Pháp cái mũ ở trên đầu mà kế thừa cả cái chủ trương ngu dân ở bên trong cái đầu.

Cuộc cách mạng đất giá mà hệ thống toàn trị vẫn ồn ào kỷ niệm đi kỷ niệm lại, xem ra, chỉ là thứ "cách mạng" để thay đổi màu da dưới cái mũ cối. Chỉ thay màu da thôi nên sau đó vẫn là những trò ngu muội hoá con người quen thuộc, vẫn là những cuộc xâm lược nhắm vào giếng mối quan hệ và tình cảm quen thuộc. Và có quen thuộc như thế nên những hình ảnh sinh động và bi phẫn nhất trong "Ất Tể Ất Ca" hay "Bình Ngô Đại Cáo" vẫn tiếp tục sinh động và tiếp tục bi phẫn như một thứ "hiện thực phê phán".[10]

Khi thực hiện chính sách ngu dân trên đất nước chúng ta, thực dân Pháp đã dần dần hoá con người để vừa có thể đầu độc và bóc lột thậm tệ bằng thuốc phiện hay sưu cao thuế nặng, vừa có thể cao rao sứ mạng "khai hoá". Hệ thống toàn trị kế thừa cũng tiếp tục như

vậy để vinh quang hoá cái sự nghiệp ghê tởm xây dựng từ những cuộc đấu tố, những trại cải tạo, những trò cướp bóc tập thể, những cơn mê sảng vĩ cuồng mà hậu quả nhân tiền là đói rách, nợ nần và tụt hậu. Hệ thống cần làm vậy để những sai lầm tiếp nối sai lầm vĩnh viễn thuộc về trách nhiệm của một "quá khứ" chung chung, của những "lý do lịch sử" chung chung hay "yếu tố khách quan" chung chung. Và nó cần vậy để mối quan hệ rãnh rãnh giữa kẻ cướp và con mồi mới trở thành "quan hệ hữu nghị hướng tới bền vững, ổn định".

Để thoải mái cai trị và, thậm chí, để được thoải mái... hèn, hệ thống toàn trị phải kìm hãm, phải duy trì công dân của mình trong thân phận của những kẻ nô lệ hay ăn mày ngày đại, hỗn nhiên. [11]

Như cái kiểu hỗn nhiên khi chúng ta nấn nót những "đơn xin" đầy tình ăn mày. Cứ dựa theo tiêu chí dân quyền của một xã hội dân sự thì, trừ một thiểu số quyền lực, những ai đang từng hay đã từng sống dưới với hệ thống cai trị ấy mà không phải gánh chịu kiếp ăn mày? Dưới hai cái ách cai trị thực dân và quân chủ, cha ông chúng ta phải chịu thân phận

ăn mày ấy khi viết "đơn xin" gởi lên "quan Công sứ" với lời kết "Muôn đời ơn quan lớn" đã đành. [12] Thời của những chính quyền "nhân dân", "dân chủ" hay "cộng hoà", chúng ta cũng phải tiếp tục các phẩm giá tương tự trong những "Đơn xin" in sẵn và những "Đơn xin" tự biên tự diễn tương tự. Đơn xin nhập học. Đơn xin chuyển trường. Đơn xin chuyển hộ khẩu. Đơn xin cấp giấy phép xây dựng. Đơn xin mượn giấy tờ trong hồ sơ sinh viên. Đơn xin làm lại thẻ sinh viên.[13] Xin, xin và... xin. Chúng ta vẫn phải đi ăn xin và vẫn phải "đội ơn" như thế là thời thuộc địa cho dù ngôn ngữ khác đi, có màu mè thêm ra kiểu "Trong khi chờ đợi sự chấp thuận của quý cấp tôi xin bày tỏ nơi đây tấm lòng thành kính và biết ơn sâu xa".

Ăn xin cho đáng ăn xin / Lấy chồng cho đáng bù nhìn giữ dưa... Có hạ mình đi xin thì cũng nên xin những gì cho đáng chứ? Và để xứng đáng là "chính quyền nhân dân" thì cũng phải bình thường hoá những chuyện như thế như là những "thao tác" thuần túy kỹ thuật chứ? Khi phức tạp hoá những "thao tác kỹ thuật" ấy bằng một thứ ngôn ngữ và những thủ tục ăn mày, hệ thống cai trị đã biến

[4] Trung Quốc không bao giờ muốn Việt Nam thống nhất và hùng mạnh, do đó chi viện trợ nhỏ giọt để nuôi dưỡng cuộc chiến du kích. Tuy nhiên, cả trong việc viện trợ này Trung Quốc cũng lạm dụng để găm nhấm dần lãnh thổ Việt Nam. Xem: "Điều gì đang xảy ra trong bang giao Việt-Trung?", Mặc Lâm phỏng vấn Dương Danh Dự, đài RFA 2.7.2009, <http://www.rfa.org/vietnamese/>

[vietnam/chinh-tri/Vietnam-China-a-long-standing-grievances-historical-MLam-07022009133546.html](http://vietnam/chinh-tri/Vietnam-China-a-long-standing-grievances-historical-MLam-07022009133546.html)

[5] Phan Khôi, "Viết chữ Quốc ngữ phải viết đúng", Phụ Nữ Tân Văn số 31 (5.12.1929). Dẫn theo Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX, (2002) tập 1, NXB Lao Động, tr. 106.

[6] Nguyễn Đình Chiểu, "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc": "Sống làm chi theo quân tà đạo,

quảng vừa hương xô bàn độc, thấy lại thêm buồn; sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, găm bánh mì, nghe càng thêm hổ.

Thà thác mà dâng cầu địch khải, về theo tổ phụ cũng vinh; hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ."

[7] Bài thơ "Giang sơn ba tỉnh" của Tôn Thọ Tường: Giang sơn ba tỉnh hãy còn đây, Trời đất xui chi đến nỗi này? Chớp nhoáng thẳng cơn đây

thép kéo  
Mây tuôn đen kịt khói tàu bay.  
Xấn vắn thăm tình, thương đời chỗ,  
Khấp khởi riêng lo, biết những ngày.  
Miệng cộp hám rỗng chưa dễ chọc,  
Khuyến đàn con trẻ chó thày lay!  
[8] Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh định nghĩa "thực dân" là "Nhân dân di cư ra nước ngoài để làm ăn".

nó thành một “hành động chính trị” để, qua đó, chính trị hoá vấn đề, biến công dân của mình thành những con tin hay con nợ nhằm tiện bề thao túng và chi phối.

Nhưng không chỉ là những quan hệ xin-cho lật vạt mà là chủ trương ăn mầy hoá như một phần trong hệ thống giáo huấn ngu dân. Chính tính nhất quán và sự tiếp nối của những hệ thống giáo huấn ngu dân nối tiếp nhau qua bao thời kỳ quân chủ, thực dân và thực-dân-hậu thực-dân mới có thể biến chúng ta thành những con tin hồn nhiên và ngây thơ như thế. Nó huấn nhục và tòi mòi chúng ta. Nó lột sạch phẩm giá con người của chúng ta. Nó bắt chúng ta tư duy như là những thực thể ký sinh, chỉ có thể tồn tại bằng cách ăn xin hệ thống, bám chặt vào hệ thống, như một thứ tòi đòi.

Vậy thì phải trở ngược lại một chút với tiến trình “tòi đòi hoá” trong lịch sử Trung Hoa, nơi mà, theo nhà chuẩn khoa bằng, vua chúa chúng ta hay dân tộc chúng ta “từ đó mà ra”. Khi chấm dứt thời kỳ phân phong để tóm thu thiên hạ về một mối, Tần Thủy Hoàng đã tóm thu chữ “trẫm” của thiên hạ vào cái lưới của mình và biến tất cả thành “tôi”, như một thứ tòi đòi.[14]

Mà cũng không phải trở ngược hơn 20 thế kỷ, chỉ hơn nửa thế kỷ thôi đã thấy cái sự thể tương tự khi, vào năm 1945, lúc mới có 55 tuổi, Hồ Chí Minh đã buộc cả nước, trong đó có những thế hệ 80 hay 90, gọi mình là “bác”. Dù không độc chiếm chữ ấy như bạo vương họ Tần đã làm với “trẫm”, ông chủ tịch này cũng đã ngạo ngược không kém.[15] Và cho dù mức độ có khác nhau, ông chủ tịch cũng chỉ hành động theo cùng một triết lý với bạo vương là tạo nên khoảng cách trong ý đồ lễ trị.

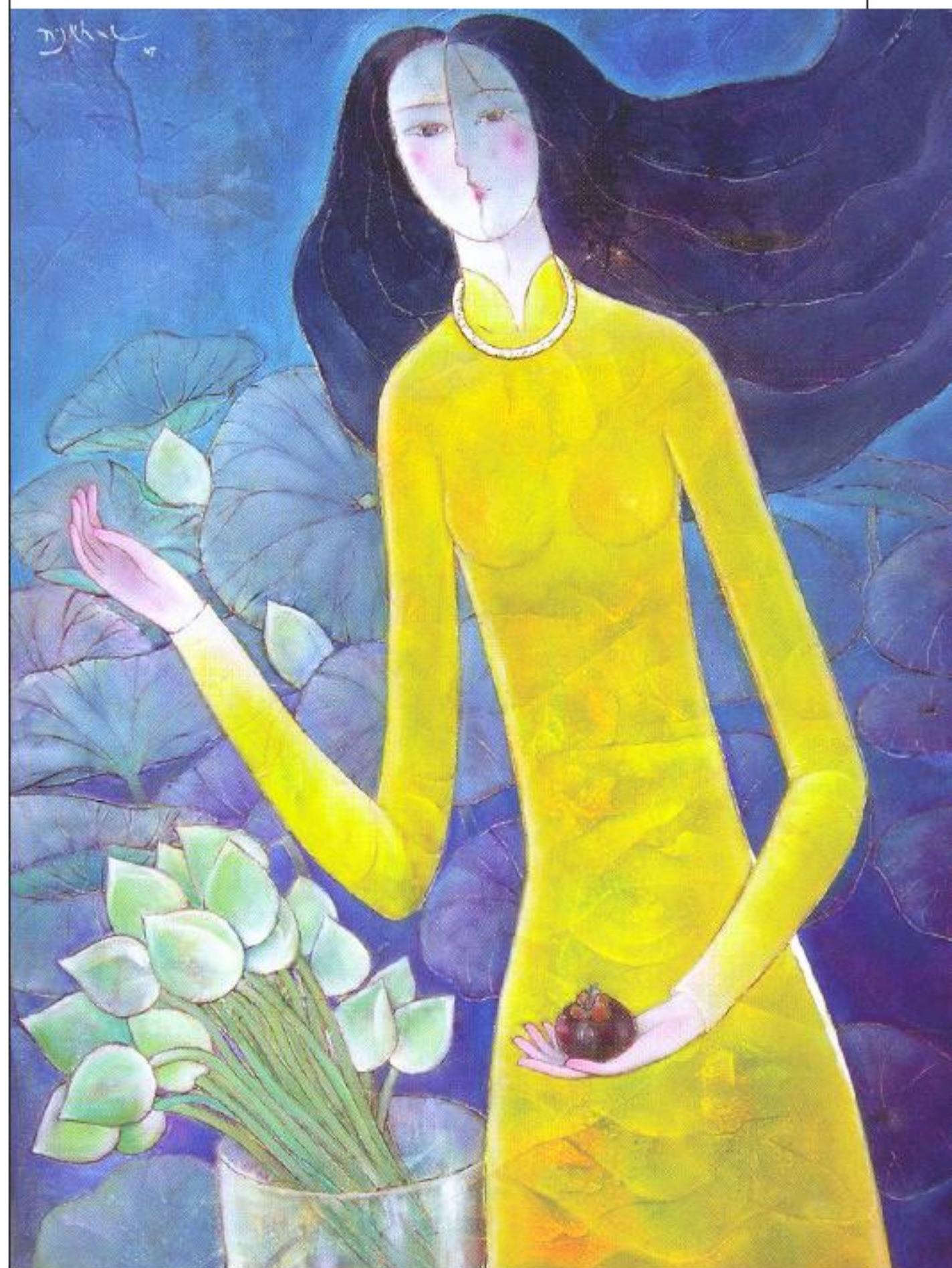
Khoảng cách giữa những bậc quân vương như Tần Thủy Hoàng với bề tôi là một khoảng cách thực xa, trong đó kẻ tòi mòi không thể ngẩng mặt đối diện mà chỉ có thể nhìn vào bực thêm dưới chân: “Muôn tâu bệ hạ”. [16] Khi một “bề tôi” như Xuân Diệu không dám ngẩng mặt trong cách “muôn tâu” hiện đại Con ngồi trước Bác mệnh mông / Tội nhiều chưa dám ngẩng trông cha già thì khoảng cách ấy có thể phần nào xích lại nếu, như có thể thấy ở phần sau, vượt qua được cái chương ngại “tội nhiều” bằng cách... lập công”. [17] Bằng danh xưng “Bác”, lãnh tụ của hệ

tiếp theo trang 44

Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học Việt Nam (NXB Đà Nẵng 2004) thì định nghĩa (2) là “Người ở nước tư bản, thuộc tầng lớp bóc lột, thống trị ở nước thuộc địa, trong quan hệ với nhân dân nước thuộc địa.”

[9] Bùi Minh Quốc, “Thu ngỏ gửi các bạn trẻ Việt Nam và hai bạn Mỹ Fred, Rob”, Diễn đàn talawas, 19.8.2005, <http://www.talawas.org/talaDB/suche.php?res=5180&rb=0307>

“Trong dịp đại hội lần thứ 7 vừa rồi của Hội Nhà văn Việt Nam (tháng 4.2005), mấy đồng nghiệp của tôi – nhà thơ Xuân Sách, nhà thơ Trần Mạnh Hảo, nhà văn Hoàng Quốc Hải – phát biểu tại diễn đàn chỉ tha thiết xin nhà nước thành lập cơ quan kiểm duyệt chính thức, công khai, để nhà văn cứ viết hết cỡ theo lương tâm mình, còn nhà nước không vừa ý chỗ nào thì cứ cắt nhưng phải in rõ chấm chấm chấm



Tranh: Họa sĩ NGUYỄN KHAI - [www.nguoi vietblog.com/AoLen/](http://www.nguoi vietblog.com/AoLen/)

## bài thơ hoa sen thứ nhất

# Mộng

ly bạch có một không hai  
rượu ngon mỗi đầu trăm bài thơ hay  
làm ra giữa hai xon say  
tỉnh nên mới biết đời này mộng thôi.

**NGUYỄN HỮU NHẬT**

Sự kiện Bình Dương - Vũng Áng cho thấy, khi gãy gộc đã ở trong tay đám đông, mọi giá trị đều trở nên vô nghĩa[1]. Tuy nhiên, còn "vô nghĩa" hơn nếu sự kiện "Bình Dương - Vũng Áng" được sử dụng như những con ngoáo để ộp dọa dân nhằm củng cố độc tài, toàn trị.

### Một Thế Lục Bành Trướng & Một Nền Kinh Tế

Trong số 315 nhà đầu tư chịu thiệt hại trong vụ Bình Dương, có 12 công ty bị cháy lớn (nhiều nhà xưởng bị cháy rụi), 3 công ty bị cháy nhỏ, 33 công ty bị trộm cướp tài sản, 196 nhà xưởng bị đập phá, 241 văn phòng bị hư hại, có nhiều văn phòng bị đốt sạch, phá sạch. Con số thiệt hại chưa được quy thành tiền nhưng cho dù nó lớn tới mức nào, đó cũng

chỉ là những tổn thất có khả năng đo, đếm được. Chưa biết bao giờ các nhà máy trong 29 khu công nghiệp ở Bình Dương mới có thể trở lại hoạt động bình thường. Điều này, ảnh hưởng trực tiếp ngay tới hơn hai trăm ngàn lao động Việt Nam. Thiệt hại vì sự sụt giảm uy tín của môi trường đầu tư còn khó định lượng hơn.

Trong mấy năm gần đây, Trung Quốc là thị trường có mức độ phát triển tốt nhất của ngành hàng không Việt Nam. Trước 13-5-2014, trung bình mỗi ngày có gần 20 chuyến bay Việt - Trung. Nay con số đó đang có nguy cơ bằng không. Thiệt hại cho Hãng không Việt Nam có thể lên đến hàng nghìn tỷ đồng.

Chủ một resorts thường xuyên có 30% khách đến từ Trung Quốc ở Hội An cho biết, tất cả khách đặt phòng

người Trung Quốc đều đã "cancelled". Hàng nghìn biệt thự trên bãi biển Đà Nẵng vốn lâu nay sống nhờ khách Trung Quốc nay đang lần lượt bị trả lại....

Những phản ứng vừa qua cho thấy, người Việt Nam chỉ mới nhạy cảm trước một Trung Quốc bành trướng, trong khi, Trung Quốc còn là một nền kinh tế lớn.

### Yếu Tố Bên Trong

Người Việt có vẻ như đã xích lại gần nhau trong những ngày vừa qua. Dân chúng dễ dàng bỏ qua những chính sách đã đưa đất nước lún sâu. Một vài nhà lãnh đạo bỗng dưng "sáng lên". Nhưng, chúng ta sẽ làm gì nếu giàn khoan HD 981 vẫn nằm lì ngoài biển đông. Chúng ta sẽ làm gì nếu tất cả những nguyên nhân làm cho đất nước thất thế, tụt hậu vẫn tiếp tục phát huy;

# MÔI LỬA ? & ĐÓNG CỬI ?

HUY ĐỨC

**T**rong những ngày giàn khoan HD 981 đang ở trong vùng biển Hoàng Sa nhiều người Việt bàn đến chuyện "thoát Trung". Nhưng theo tôi trước khi "thoát Trung", người Việt phải thoát ra khỏi chính vấn đề đang ở trong tay người Việt.



Hình: Internet

những kẻ bảo thủ, trì trệ vẫn bình chân và bộn tham những vẫn tiếp tục ngự trị.

Một quốc gia không thể giữ yên bờ cõi nếu không đoàn kết. Nhưng nếu một quốc gia chỉ thực sự đứng bên nhau khi "tổ quốc bị xâm lăng" thì bị kích còn lớn hơn. Nếu không sớm tìm ra một yếu tố bên trong để đoàn kết quốc gia, chủ nghĩa dân tộc cực đoan sẽ luôn dễ dàng bị các bên lợi dụng (cả Chính phủ và những người được coi là "dân chủ").

Cái giá mà dân tộc Việt Nam phải trả cho cuộc chiến kéo dài

muoi năm, 1979-1989, là không chỉ bằng sự kiệt quệ nội lực, sự cô lập trên trường quốc tế mà còn bằng xương, máu của hàng triệu thanh niên. Chúng ta cần một chính phủ ứng xử với Trung Quốc bằng tư thế của một quốc gia có chủ quyền chứ không phải một chính phủ, lúc thì quá lệ thuộc, lúc lại đẩy dân ra chỗ hòn tên mũi đạn.

Sáng 1-1-2014, khi nói chuyện với chúng tôi, ông Trần Việt Phương, người giúp việc của nhiều nhà lãnh đạo Hà Nội - từng sống và làm việc bên cạnh Phạm Văn Đồng và Hồ Chí Minh từ 1949 - 1969 - nói: Trong

lịch sử nghìn năm giữ nước, chưa có thời nào Việt Nam mất cảnh giác và chịu lệ thuộc vào Trung Quốc như 'triều đại' ngày nay. Sở dĩ có điều đó là vì chúng ta đã nhiều lúc ứng xử với tư thế một ông em ngoan, ngày thơ tin các ông anh cũng vì tinh thần quốc tế vô sản. Theo ông Trần Việt Phương, thời còn Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã từng ở trong một nền thực dân kém văn minh hơn nền thực dân trước kia.

Trong những ngày giàn khoan HD 981 đang ở trong vùng biển Hoàng Sa nhiều người Việt

bàn đến chuyện “thoát Trung”. Nhưng theo tôi trước khi “thoát Trung”, người Việt phải thoát ra khỏi chính vấn đề đang ở trong tay người Việt.

Năm 1974, nếu người Việt chúng ta ở chung một chiến hào, chắc chắn Hoàng Sa không thể rơi vào tay Trung Quốc. Chắc chắn không có sự kiện HD 981. Chắc chắn Trung Quốc không thể khoan vào nơi người Việt Nam rất dễ bị tổn thương.

Theo tôi, điều cấp bách nhất mà chúng ta, bao gồm cả những người cầm quyền, phải làm là phải thoát hoàn toàn ra khỏi ý thức hệ, điều khiến cho Chính quyền có những lúc “ngây thơ” tin vào “mười sáu chữ vàng”; điều đã khiến cho lãnh thổ quốc gia bị hơn hai mươi năm chia cắt; điều khiến cho người Việt Nam, gần 40 năm sau chiến tranh, vẫn không thể nào ngồi bàn với nhau hòa giải.

## Giai Cấp Trai Làng

Nói chuyện với hàng chục chủ doanh nghiệp và công nhân ở Bình Dương, chúng tôi nhận thấy cách lôi kéo công nhân biểu tình hôm 13-5-2014 gần giống như cách mà các cuộc đình công vẫn diễn ra ở đây. Liên đoàn Lao động không bao giờ có vai trò nào ngoài việc buộc các doanh nghiệp phải trả công đoàn phí hàng tháng một khoản tiền bằng 2% quỹ lương. Đúng sau các cuộc đình công thường là một bọn người giấu mặt.

Bọn người tương tự đã xuất hiện vào ngày 13-5-2014, xông vào các nhà máy, yêu cầu giới chủ phải cho công nhân nghỉ để đi “biểu tình chống Trung Quốc”. Đề nghị này ngay lập

tức được công nhân hoan nghênh. Một số bỏ về nhà nghỉ ngơi, vui vì được “hưởng nguyên lương”. Một số khác đi theo những người cầm đầu cuộc “biểu tình”. Những công nhân vô tội này không ngờ rằng, họ đang bị kéo vào một âm mưu nguy hiểm.

Người lao động ở Bình Dương mà những người Marxists thích gọi là “giai cấp công nhân”, thực chất vẫn là những nông dân. Trong số 235.800 lao động làm việc trong 29 khu công nghiệp ở Bình Dương chỉ có 9,8% là người địa phương. Họ phải rời bỏ quê hương vì chính sách đất đai và chính sách công nghiệp hóa sai lầm.

Chính sách đất đai không cho phép tích tụ những mảnh ruộng manh mún để hình thành các trang trại lớn, nơi có thể hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp và phát triển công nghiệp chế biến nông sản, nơi các trai làng có thể ở tại chỗ mà ly nông thay vì phải ly hương.

Họ bị dồn vào một nơi cách xa lũy tre, vẫn chất phác nông dân nhưng bị lẫn trong bộ đồng phục, không danh tính, không làng xóm. Họ ngây thơ đi theo đoàn “biểu tình chống Trung Quốc”, bị cuốn trong một cơn kích động, nghĩ là mọi hành động đập phá, lấy cắp của họ sẽ bị lẫn vào đám đông.

## “Ý Thức Hệ”

Hôm 29-4-2014, Cựu Bộ trưởng Trương Đình Tuyển đã được hoan nghênh khi ông phát biểu công khai ở Diễn đàn kinh tế mùa xuân Hạ Long: “Đã đến lúc phải thừa nhận xã hội dân sự”. Nhưng, cũng ông Trương Đình Tuyển vào ngày 17-4-2014, khi nói chuyện nội bộ về TPP với các đại biểu quốc hội ở Văn

phòng Quốc hội phía Nam lại cho rằng, phá bỏ thế độc quyền của Liên đoàn lao động Việt Nam (cho công nhân lập các công đoàn độc lập), là điều không thể thương nghị.

Hy vọng ông Trương Đình Tuyển, người đang cố vấn cho Chính phủ về đàm phán TPP, tìm hiểu vai trò Liên đoàn lao động trong các vụ đình công, bạo động, ở Bình Dương, để thấy, chỉ vì ngăn cản công nhân hình thành các tổ chức đại diện cho mình (điều kiện mà TPP đòi), khi lâm sự, chủ doanh nghiệp cũng như Đảng, Nhà nước đã không có ai để mà “thương nghị”. Công nhân nhanh chóng bị cuốn vào những đám đông không còn khả năng kiểm soát.

Cũng hôm 17-4-2014, ông Trương Đình Tuyển giải thích, Liên đoàn lao động là tổ chức của Đảng, giữ vị trí độc quyền của nó là giữ một đặc trưng của chế độ. Tiền thuế của dân đang được chi để nuôi các đoàn thể quốc doanh. Điều này rất dễ ru ngủ Chế độ khi trong ấm, ngoài êm. Nhưng, khi lâm trận thì mới thấy những tổ chức rình rập tổn kém đó nhanh chóng trở nên vô dụng.

Cựu Phó thủ tướng Trần Phương, một nhà lý luận gần gũi với Tổng bí thư Lê Duẩn thừa nhận: “Cho đến trước khi Liên Xô sụp đổ, đầu óc chúng tôi vẫn bị cầm tù trong sự giáo điều của chủ nghĩa Marx - Lenin”. Thật khó để biết một cách chắc chắn, thế hệ lãnh đạo hiện nay đã để cho đầu óc của mình ra khỏi “nhà tù ý thức hệ” như thế hệ Trần Phương hay chưa. Một người được coi là cởi mở như ông Tuyển, mà vẫn tư duy như vậy thì liệu có ai thực sự đã thoát khỏi “chiếc công tư tưởng”.

“Mỗi Lửa Đã Ở Dưới Đống Cùi”

Nếu có một xã hội dân sự trưởng thành, công nhân có các tổ chức đại diện cho mình, chắc chắn sẽ không dễ bị kéo vào một đám đông như thế. Nếu có một nhà nước pháp quyền (và có luật biểu tình), cảnh sát tự tin vào tính chính danh của quyền lực công, chắc chắn đã có hành động thích hợp trước khi đám đông phạm tội.

Không chỉ gây ra thiệt hại, phải coi sự kiện “Vũng Áng - Bình Dương” là những cảnh báo sớm. Một chế độ toàn trị rõ ràng đã không có khả năng gìn giữ “ổn định chính trị” như nhiều người vẫn tưởng lầm. Mỗi lửa đã ở dưới đống cùi.

Đi đến tự do chính trị mà không có lộ trình thích hợp thì rất dễ gây rối loạn. Nhưng khước từ dân chủ hóa thì sự sụp đổ là chắc chắn xảy ra. Khi đó, bạo loạn sẽ không còn ở mức độ “Vũng Áng - Bình Dương” như chúng ta vừa chứng kiến.

Việt Nam đã rất cô độc trong xung đột Biển Đông không chỉ vì không có ai thực sự là đồng minh, mà còn, thay vì hòa vào xu thế của thời đại văn minh, Hà Nội lại tự xích mình ở trong nhóm những quốc gia bị “loài người (thực sự) tiến bộ” đặt sang bên lề thương hại. Cho dù không thể có ai là “bạn vĩnh viễn”, nhưng nếu Việt Nam có một chế độ chính trị tiến bộ, bên trong tôn trọng dân chúng, bên ngoài chỉ “trao đổi vàng” với những nhà nước dân chủ văn minh, chúng ta chắc chắn sẽ có rất nhiều bạn đồng hành.

Trong những ngày này, tôi tin là có hàng triệu người Việt Nam tuy không xuống đường biểu tình nhưng vẫn đang nung nấu trong mình lòng yêu nước.

Nhưng tôi tin, không ai, không riêng một đảng phái nào, đứng riêng lẻ mà có thể tìm được cho Việt Nam một con đường đi đến dân chủ, văn minh mà tránh được những tháng năm tao loạn.

Mỗi chúng ta phải bắt đầu làm gì đó trong nỗ lực của mình, để Đảng cầm quyền ngồi lại với nhân dân, cùng đối thoại để tìm ra lối thoát. Để đất nước rơi vào nông nổi này, chúng ta có thể đổ lỗi cho những người cộng sản. Nhưng, nếu cứ để đất nước tiếp tục tình trạng này, mỗi chúng ta đều phải cộng đồng trách nhiệm.

Không ai thách thức quyền lực của những người cộng sản nếu như quyền lực đó không đặt chế độ lên trên sự phát triển bền vững của quốc gia. Không ai có thể ngồi mãi trên đỉnh cao quyền lực. Nếu anh thiết lập trên đầu dân chúng một phương thức cai trị thực dân, sẽ có ngày anh trở thành nô lệ trong nền thực dân do chính anh tạo lập.

Đừng cố gắng giữ nền độc tài cho tới ngày con cháu có thể thừa kế ngai vàng. Hãy thiết lập một thể chế mà nếu con cái quý vị xứng đáng, nhân dân sẽ trao “ngai vàng” cho chúng.

### HUY ĐỨC

[1] Đám đông không còn phân biệt Hàn Quốc, Nhật hay Đài Loan, trong số 315 công ty có nhà xưởng bị đập phá ở Bình Dương chiều 13 rạng sáng 14-5-2014, chỉ có 12 công ty của Trung Quốc và 5 liên doanh có đối tác là Trung Quốc (không tính Hong Kong).



Hình: KHANG DUONG

# Tháng bảy, mưa, Đà Lạt

Sương mù huyền hoặc  
Đà Lạt ngái ngủ trùm khăn  
voan trắng

Con đường dốc cao  
Lô nhô mái nhà thấp  
Tháng bảy, đổ ập cơn mưa  
Bờ rào đỏ quỳên đỏ bùm  
Em cười sáng ngời hạnh phúc

Gió dạo qua rừng thông  
Mở đầu bản sonate tình yêu  
Mặt hồ tan vỡ ánh trăng  
Rạo rức giấc mơ thiếu nữ

Mưa gõ nhịp mặt kính  
Vũ điệu hoa bất ngờ

Tĩnh lặng  
Phố thơ nhẹ nhàng  
Đóng băng từng nỗi nhớ!

**TRẦN HỮU DŨNG**

# TÁC PHẨM CUỐI CÙNG CỦA NHÀ VĂN NHẤT LINH

NGỌC CƯỜNG

**N**gày 7 tháng 7 năm 1963, nhà văn và nhà cách - mạng Nhất - Linh Nguyễn Tường Tam tự - vẫn bằng độc dược để phản đối chế - độ Ngô Đình Diệm về việc đàn áp các đảng phái đối lập Quốc - gia. Ông chết một ngày trước khi phải trình diện Tòa Án Quân Sự vì liên can đến cuộc đảo - chính hụt ngày 11 tháng 11 năm 1960. Vào lúc đó đang là cao trào của cuộc tranh đấu của Phật - giáo chống kỳ thị tôn giáo, và cái chết của ông đã gây xúc động trong quần chúng. Ông chết đi để lại một sự nghiệp lớn về văn học và hoạt động cách mạng chống Pháp và Cộng Sản.

Chức thư của ông như sau: "Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử tôi cả. Việc bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập Quốc - gia sẽ làm cho nước mất vào tay Cộng Sản. Tôi chống đối việc đó và tự hủy mình như Hòa - Thượng Thích Quảng - Đức để cảnh cáo những người chần chạp mọi thứ tự - do. - Nhất - Linh Nguyễn Tường Tam "

Chính quyền lúc đó, trong bản cáo trạng truy tố, đã cho ông là thành phần phản loạn, phản quốc và xâm phạm an ninh Quốc - Gia. Mặc dù, suốt đời bao giờ ông cũng là một người ôn hòa, rất ghét bạo - động và chỉ tranh đấu cho Độc - Lập,

Tự - Do và phúc lợi của dân - tộc. Đang từ một kẻ bị truy tố về tội phản quốc và chắc chắn sẽ bị kêu án nặng nề, nhưng bằng cái chết và qua bản chúc thư, Nhất - Linh đã nhân danh lương tâm của Dân Tộc, cảnh cáo và kết tội bạo quyền, và chứng tỏ sức mạnh của ngòi bút và lý tưởng còn mãnh liệt hơn cả súng ống và xe tăng. Cũng trớ trêu thay là chỉ vài tháng sau khi ông chết, hai anh em nhà Ngô bị thảm sát, nạn nhân của bạo - lực. Điều này chỉ xác tín là bạo - động không giải quyết được gì cho con người, chỉ là nguồn gốc của thảm họa mà thôi.

Từ đó đến nay, gần nửa thế kỷ qua, đã có nhiều bài

viết, sách nghiên cứu của các tác giả, nhà phê bình, văn nghệ sĩ đã viết về cái chết đột ngột của ông. Bài viết này, nhân ngày giỗ thứ 49 của nhà văn, chỉ nhằm xem xét vài điểm liên quan đến nguyên nhân và lý do nào đã đưa đến sự kiện một nhà văn, lãnh tụ một đảng phái như ông mà phải tuân tiết?

Nhìn lại cuộc đời của Nhất Linh, mọi người đều thấy sự nghiệp của ông gồm hai lãnh vực rõ rệt: về văn nghệ như hội họa, thơ và tiểu thuyết; thứ hai là chính trị như thành lập đảng Đại Việt Dân Chính, hoạt động trong Việt - Nam Quốc Dân Đảng. Bởi thế, nhiều nhà phê bình cho rằng ở ông, có hai còn người: một nhà văn Nhất Linh



**NHẤT LINH** (1906-1963) Qua Nét Vẽ  
Của Họa Sĩ NGUYỄN GIA TRÍ

và một nhà chính trị Nguyễn Tường Tam. Phân biệt như vậy tuy hợp lý, nhưng vô hình dung không thấy được con người thật của ông. Vì dù sao, về căn bản ông vẫn chỉ là một người có tâm hồn nghệ sĩ, đa cảm nhưng lại có lòng trắc ẩn sâu đậm đối với sự đau khổ của đồng loại và không thể chỉ ngừng lại ở chỗ sáng tác mà ông còn dấn thân vào công cuộc cải cách xã - hội. Có thể nói Nhất - Linh là một nghệ sĩ dấn thân và luôn luôn hành động do sự thúc đẩy của trách nhiệm và lý tưởng.

Vào lúc còn trẻ, ở tuổi 20, Nhất Linh có theo học hội họa ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà - Nội; và cũng như Van Gogh, ông mang giá vẽ và cọ đi về miền quê để vẽ. Và cũng như Van Gogh, ông đã xúc động trước cảnh nghèo khổ của đám nông dân. Trong khi Van Gogh đi tìm giải pháp ở tôn - giáo thì Nguyễn Tường Tam tìm thấy ở con đường cách - mạng chống thực dân và giải phóng dân tộc. Cả hai nhà họa sĩ này về cuối đời đều tự tìm đến cái chết, nhưng lại vì hai lý do khác hẳn nhau: Van Gogh tự vẫn trong cơn điên loạn, còn Nhất Linh tuân tiết vì lý tưởng. Chúng ta tự hỏi, nếu Nhất - Linh theo đuổi luôn nghề vẽ thì không biết ông sẽ ra sao? Điều ngạc nhiên là gần đây, trong một cuộc đấu giá tranh của nhà đấu giá Sotheby's ở Hồng - Kông, xuất hiện một bức tranh do ông vẽ vào những năm 1920 - khi lưu lạc ở Saigon - về cảnh phố chợ ở miền quê Việt - Nam. Bức tranh có người mua với giá cao (75 ngàn Mỹ - kim)! Nếu theo đuổi nghiệp vẽ, Nhất Linh có lẽ trở thành một họa sĩ tài hoa như người bạn Nguyễn Gia Trí của mình chăng? Mặc dù là một nghệ sĩ nhưng Nhất - Linh luôn bị ám ảnh bởi lý tưởng và trách nhiệm xã hội. Điều này cho

thấy ông đã chủ trương dùng ngòi bút để làm vũ khí tranh - đấu của mình (dùng báo chí - Phong - Hoá, Ngày Nay, Tự - Lực Văn - Đoàn). Nhưng đôi lúc, vì hoàn cảnh của đất nước, ông đã phải bỏ báo chí để hoạt động cách mạng (thành lập Đại Việt Dân Chính, trốn qua Trung - Hoa). Điều đáng nói ở đây là, trong khi hoạt động chính trị, ông đã phủ nhận việc dùng những thủ đoạn và bạo lực, khác hẳn các đối phương của ông (như thực - dân, cộng sản và độc tài). Trong cuốn "Giòng Sông Thanh Thủy," ông đã viết về sự tàn bạo của chính trị và cái nguy hiểm của cái mà ông gọi là "guồng máy," cũng như sự tàn nhẫn của "guồng máy" đó. Về văn chương, lập trường của ông cũng thay đổi, từ việc viết tiểu - thuyết luận - đề ông quay qua chủ trương: "văn chương phải vượt thời gian và không gian".

Năm 1949, từ Trung Hoa về lại Hà - Nội - sau biến động chính trị tranh chấp giữa ba thế lực chính là Quốc - Cộng - Thực - Dân - , ông tuyên bố từ bỏ chính - trị rồi vào Nam sinh sống. Tại Saigon ông chú tâm vào việc sáng tác truyện dài (trường giang tiểu thuyết Xóm Cầu Mới) và xuất bản lại sách của Tự - Lực Văn - Đoàn. Ta thử đặt câu hỏi: Nhất Linh có thực sự từ bỏ luôn chính trị không? Từ bỏ trách nhiệm với đất nước, đồng chí của mình không? Theo các đồng chí thân cận với ông, như các ông Nguyễn Thành Vinh, Trương Bảo Sơn, Lê Hùng, Nguyễn Tường Bá...v.v..., thì trong thời gian này ông chỉ đóng vai trò cố vấn và không tham dự vào các buổi họp chính trị với các đoàn thể khác (tuy ông lại là thủ lãnh của Mặt Trận Quốc Dân Đoàn Kết ủng hộ cuộc đảo - chánh năm 60). Như vậy sự từ bỏ chính trị

của ông ở đây là: không sinh hoạt đảng phái với mục đích tham chính, nhưng vẫn lưu tâm và hoạt - động cho dân chủ và tự do, (theo nghĩa bây giờ ông là một "nhà tranh đấu nhân quyền" chứ không phải là "chính trị gia"). Có thể ông đã thấy bộ mặt xấu của chính trị và cho rằng quyền lực chỉ đưa đến tội ác và làm hủ hoá con người. Có lần ông đã tâm sự với người thân trong gia đình là thời gian ông làm Bộ Trưởng Ngoại Giao trong Chính Phủ Liên Hiệp là thời gian khổ sở nhất của đời ông. Cần nhắc lại đây một chi tiết: sau khi từ chức năm 1946, ông đã lấy ngân quỹ của Bộ Ngoại Giao Việt Nam đem vào chiến khu chi dùng cho Việt Nam Quốc Dân Đảng, làm Việt Minh tức tối (chúng đã lên án ông là 'việt gian thụt két!'). Điều này cho thấy ông sẵn sàng hy sinh tiếng tăm cá nhân của mình nếu vì lợi ích chung của đoàn thể.

Năm 1958, Nhất Linh xin giấy phép cho tờ nguyệt san "Văn Hóa Ngày Nay" nhưng chính quyền chỉ cho phép ra từng số một và phải chịu sự kiểm duyệt. Đây là một cách bóp chẹt tự do rõ rệt. Bộ Thông - Tin cố tình làm giấy phép chậm trễ, gây khó khăn cho việc xuất bản. Sau 11 số, tuy bán rất chạy, chán nản, ông phải cho đóng cửa.

Cuộc chính biến 1960 thất bại, nhiều đồng chí, nhân sĩ bạn của ông bị giam cầm và tra tấn dã man. Sự việc này gây xúc động trong ông. Sau một thời gian lẩn tránh, ông về nhà nhưng bị kêu hỏi cung nhiều lần ở Tổng Nha Cảnh Sát. Bàn cáo trạng đã truy tất cả tội trạng lên đầu ông. Cũng vào lúc này xảy đến vụ tranh đấu của Phật giáo. Cuộc tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng

Đức đã làm ông suy ngẫm thêm...

Người tự tìm đến cái chết có thể là vì họ sợ sống hơn là chết. Nhưng trong lịch sử gần đây, chúng ta đã chứng kiến nhiều vụ tấn tiệt oai hùng của các tướng lãnh Việt Nam Cộng Hòa sau 1975. Họ đã nói lên lập trường dứt khoát: thà chết còn hơn là sống nhục! Chắc chắn các vị này không phải là những người điên loạn hay cuồng trí, mà trái lại họ tìm đến cái chết vì họ đã nhận lấy trách nhiệm của sự thua trận, họ đồng hóa cuộc sống với đoàn thể mà họ chiến đấu. Đó là một hành động chết vì lý tưởng.

Cuộc tự vẫn của Nhất Linh là do hai động lực chính: một là vì lý tưởng tự do mà ông hằng theo đuổi, hai là vì trách nhiệm đối với đồng chí của mình. Ông sửa soạn cái chết một cách rất tinh tế: Cả tuần lễ trước đó, ông đến thăm, cốt để từ giả - bạn bè và tham dự buổi họp của tổ chức Văn Bút Việt Nam (do ông sáng lập). Tại đây ông nói chuyện với các nhà văn trẻ và bày tỏ sự quan tâm đến hiện tượng thiếu lý - tưởng trong giới văn nghệ sĩ thời bấy giờ. Bằng câu sau đây trong bản chúc thư: "tôi tự hủy mình để cảnh cáo những người chần chạp mọi thứ tự - do...", ông đã can đảm nhận trách nhiệm về việc làm của mình. Cái chết của ông cũng làm rung động chính quyền độc tài và sau đó Tòa Án đã phải giảm án cho các đồng chí của ông.

Nhất Linh đã biến cái chết của mình thành một vũ khí chống lại độc tài, thể hiện lý tưởng của mình và nói lên sự dấn thân đến tận cùng của một con người sống có lý tưởng và trách nhiệm. Tất nhiên sự ra đi của

ông là một mất mát lớn, không những cho gia đình, đồng chí, bạn bè mà còn cho cả một thế hệ yêu mến tác phẩm và con người ông. Người nghệ sĩ thường sáng tác ca tụng cái đẹp và đôi khi họ cũng sống như một tác phẩm của họ. Nếu

cuộc đời Nhất Linh đã đẹp rồi thì cái chết của ông lại là một tác phẩm tuyệt đẹp cuối cùng của nhà văn. Ít ai có được một cái chết đáng ghi nhớ như vậy.

**NGỌC CƯỜNG**



Trích **BÈO GIẠT**  
tác giả NGỌC CƯỜNG  
Người Việt Books xuất bản 2014

Sách có thể mua trên mạng  
[www.nguoivietshop.com](http://www.nguoivietshop.com) hoặc tại tòa soạn  
nhật báo Người Việt.  
14771 Moran Street, Westminster, CA 92683  
Điện thoại: 714-892-9414



# PHONG VỊ

Khi cánh hoa rơi xuống vực thẳm âm mù cũng nhẹ nhàng không hốt hoảng. Ngấn tích để lại là một đường bay thanh thoát phiêu diêu. Sau cái chạm nhẹ vào mặt đất âm thẳm, cánh hoa đuổi mình thư thả, chiêm nghiệm và chờ đợi. Những tháng ngày dưới đáy sâu sau này ngói ngấm lại bao giờ cũng có một sự ngọt ngào riêng, như món quà tặng dành cho tuổi trẻ những năm lắm lỗi. Rất lâu sau này, khi tìm lại về vực thẳm, nhìn những dấu tích cũ xưa, ta không còn cảm thấy đau xót nữa mà chỉ là một nỗi luyến tiếc khó tả bằng lời. Sự ngọt ngào êm dịu của cô độc theo ta đến tận đỉnh cao như một người bạn thân thiết. Khi ta đã lên đỉnh ngọn núi sương mù, để vạt áo bay bay đắm ướt, nhìn về phía núi non xa tít, nhìn xuống cõi trần ai tuyết mù thì cũng có ngọn gió cô độc thẳm thì để không thấy quá quạnh hiu. Đã từng nếm trải hết những điều tuyệt diệu, những mong ước đã thành, con người ta sẽ có một phong vị ung dung nhàn tản riêng mà nhìn qua kẻ bình thường cũng có thể nhận biết được. Cuộc sống từ đó không còn là một cuộc hành trình trắc trở mà chỉ như một chiếc thuyền không cứ nổi bấp bênh theo dòng con nước, không tha thiết cũng không đắm say. Chỉ lặng yên tĩnh thức. Xuống vực thẳm nằm yên như cánh hoa, lên núi cao lặng lẽ như gió sương, lúc nào cũng nhẹ nhàng thanh thản. Ngày nắng nghe chim hót, ngày mưa ngồi xếp bằng uống trà, đọc một vài quyển thi thư. Bên khung cửa sổ nhỏ của mái nhà tranh hiện hữu đã ngàn đời tiếp nối. Ta chẳng cần biết người xưa đã nghĩ gì làm gì bên mái nhà tranh nhỏ vì ta giờ cũng khác gì người xưa. Như vậy, bằng cách đặt mình vào vị trí cao nhất và thấp nhất, ta tìm ra được nhịp điệu cho cuộc sống riêng mình.

Sài Gòn, ngày 4/5/2014

**HOÀNG LONG**

# DỪNG LẠI NIỀM TIN

NGUYỄN LONG ĐẤT

Trong tạp chí Thế Kỳ 21, bộ 2, số 16 phát hành tháng Tám năm 1990, tại California, chủ bút tờ Thế Kỳ 21 Vương Hữu Bật đã đưa ra đề nghị mở một cuộc "Thảo luận việc dừng lại đất nước." Bài viết dưới đây là đề hưởng ứng lời kêu gọi đó.

Đất nước Việt Nam ngày nay đã tang thương đến độ nhà văn Dương Thu Hương phải thốt lên một câu: "Cái nhục của một đất nước nghèo nàn lạc hậu cũng không thua gì cái nhục mất nước" (2) Thế thì việc "Dừng lại đất nước" chẳng phải là chuyện dễ dàng có thể làm trong một sớm một chiều. Ngay những "thiên tài vĩ đại" như Chủ tịch Hồ Chí Minh "kính mến" cũng chỉ có thể đưa ra một lời hứa cuối: "Khi đất nước thanh bình, ta sẽ xây dựng lại to đẹp bằng năm bằng mười khi trước." Ngày nay nhìn khắp nơi trong nước,

ngoài những đồng rác khổng lồ hôi thối và những vụ lường gạt động trời, thì tôi chẳng thấy có gì to bằng năm bằng mười khi trước như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hứa.

Đề nghị "Thảo luận việc dừng lại đất nước" do đó là một hành động thực táo bạo và can đảm. Tôi có thể tiên liệu trước rất nhiều người sẽ mỉa mai và chỉ trích anh Vương Hữu Bật là đã làm một chuyện "đặt cái cây trước con trâu." Chế độ cộng sản vẫn còn đó; chưa phá vỡ được chế độ cộng sản, chưa đập tan được guồng máy thống trị áp bức, mà sao đã vội bàn tới chuyện xây dựng đất nước?

## 1.

Đọc đi đọc lại bài "Thảo Luận việc dừng lại đất nước," tôi không khỏi cảm phục vì tác giả có một cái nhìn thật rộng rãi

bao quát, một quan niệm thực coi mở thực tiến, một nhận định thật sâu sắc táo bạo, nhưng đồng thời tôi cũng muốn nhay nhóm lên để tranh luận. Cũng may anh Vương Hữu Bật ở một phương trời xa lắc xa lơ bên Canada, nên tôi mới có thì giờ để lắng tâm xuống, tránh được một cuộc cãi vã vô ích.

Ngay phần mở đầu bài "Thảo luận việc dừng lại đất nước" đã có thể gây ra những cuộc tranh luận sôi nổi.

Anh Vương Hữu Bật vào đề bằng câu:

"Mọi người đều đồng ý rằng chế độ cộng sản tại Việt nam không còn tồn tại bao lâu nữa. Người bi quan cho nó năm năm, người lạc quan cho nó sáu tháng. Người tích cực nói phải góp một bàn tay vào đẩy cho nó đổ nhào, để đáng lẽ còn năm năm nó sẽ chỉ sống được thêm sáu tháng nữa thôi."

Đó là một lời khẳng định dựa trên một "quy luật tất yếu của lịch sử" hay lời tiên tri của một ông thầy chiêm tinh gia?

Trong bài "Tính chất ma túy của chủ nghĩa Mác xít" Vương Hữu Bật đã vạch rõ một sai lầm lớn lao của chủ nghĩa cộng sản là đã đưa ra những "quy luật tất yếu của lịch sử." Chúng ta mong muốn mọi người cùng thức tỉnh để có thể thoát khỏi bị mê hoặc vì những "quy luật lịch sử tất yếu" đó. Nhưng liệu rằng chúng ta có đủ can đảm thẳng thắn tự nhận xét chính mình để khỏi rơi vào cái bẫy "quy luật lịch sử tất yếu" do chính chúng ta tự tạo ra không?

Có gì khiến ta quả quyết khẳng định rằng "Chế độ cộng sản tất nhiên sẽ sụp đổ?" Ai sẵn sàng thay thế Karl Marx để đưa ra cái "quy luật lịch sử tất yếu" mới mẻ đó?

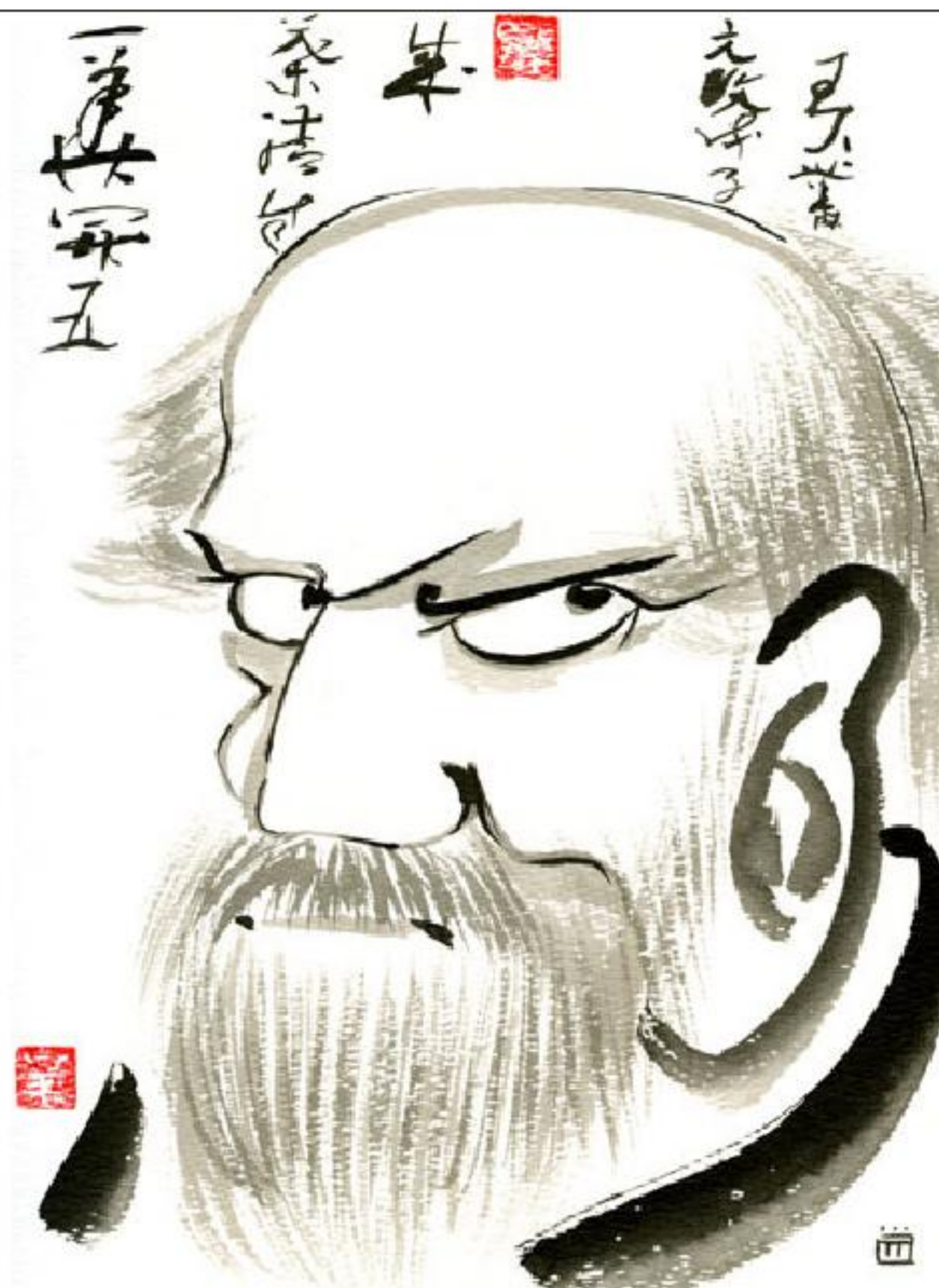
Sau khi cuộc nổi dậy của sinh viên Trung Hoa thất bại, ký giả X.D. Fan đã viết bài nhận định trên báo The Age (X.D.Fan, "From Prague Spring to Beijing Spring," 4 tháng Sáu, 1990, trang 13) vạch rõ lý do tại sao Đông Âu nổi dậy thành công trong khi cuộc vận động dân chủ của sinh viên Trung Hoa thất bại.

Fan cho rằng nguyên nhân chính là tại Trung Hoa thiếu truyền thống dân chủ, thiếu đối lập mạnh, hơn nữa dân chúng Trung Hoa chưa thật sự thức tỉnh và hiểu rõ bản chất chế độ độc tài cộng sản như các nước Đông Âu.

Không phải chỉ một mình X. D. Fan nhận định như vậy. Quan điểm tương tự như những gì X. D. Fan đã viết đã tràn lan trên các báo chí Tây phương.

Những gì X. D. Fan nhận xét về Trung Hoa có thể cũng được áp dụng y hệt đối với Việt Nam. Như thế thì dường như cái "quy luật lịch sử tất yếu: rằng chế độ cộng sản nhất định phải sụp đổ," cũng chỉ là một lời khẳng định chưa được chứng nghiệm, giống hệt như cái quy luật lịch sử tất yếu "Chế độ Tư bản nhất định phải giấy chết" của Karl Marx. (Còn tiếp)

**NGUYỄN LONG ĐẤT**



Hình: Internet

## Xem tranh Bồ Đề Đạt Ma

Dĩ nhiên chúng ta gặp Tổ sư Đạt Ma nhiều lần  
Đôi mắt to mờ trùng, soi thấu cõi nhân gian  
Râu rậm phủ kín gương mặt hoang dại  
Đâu đó ở thiền viện, nơi phòng tu sĩ

Bàn đá sương lạnh, một tách trà thơm bốc khói  
Ý nghĩ mông lung của bài thơ treo nơi vách  
Tâm hồn phút chốc hoá khu rừng tĩnh mặc  
Không ai đoán định lúc nào Tổ sư ra đi  
Con mộng hảo huyền phù vẫy cuộc sống  
Sắc trời long lanh qua hạt sương đầu lá non to

**TRẦN HỮU DUNG**



# NƯỚC MỸ XA VÀ GẦN

NGUYỄN THỊ HẬU

## 1. Gặp bạn nơi xa

Khi đi làm visa du lịch Mỹ tôi đã lường trước tình huống “nếu bà không được chấp nhận cấp visa thì sao” – “Thì coi như tôi chưa có

duyên được gặp nước Mỹ”. Nhưng rồi mọi việc thuận tiện và nhanh chóng không ngờ. Một chuyến đi không chờ đợi, thậm chí không tính trước, nhưng may mắn đã đi.

Đến LAX lúc 15.30 nhưng xong các thủ tục đã hơn

17g, băn khoăn vì hẹn bạn đón nên chắc bạn chờ khá lâu. Lúc ra đến phòng chờ còn đang ngơ ngác tìm thì bạn đến gần: chị Hậu phải không? À, chào Giao. Hai chị em thân thiết nắm tay nhau, tôi và Giao mới biết nhau và đây là lần đầu tiên gặp mặt.

Giao đưa tôi về nhà Thúy Hà, một người bạn – của – bạn và cũng là bạn trên mạng từ lâu của tôi.

Ngay sáng hôm sau đã có một buổi café welcome, các bạn gần như có mặt đông đủ nơi quán Gypsy ở Little Sài Gòn. Bước tới

Cánh cổng chỉ như "cửa khẩu" tượng trưng, nhìn nó có thể cảm nhận được sự thân thiện hay không của ngôi nhà. Một ngày nào đó, cổng rào luôn đóng im ỉm "nội bất xuất ngoại bất nhập", một ngày nào đó người trong nhà lại ra vào bằng cách vượt qua rào, đập đổ rào, khách đến nhà cũng bằng cách ấy... Một ngày nào đó cánh cổng rào luôn mở toang, chênh mảng, người ra vào thờ ơ không buồn khép lại... Có lẽ ngày ấy sự bình yên của ngôi nhà bắt đầu ra đi...

không gian này tưởng như đang ở một tiệm nước nào đó ở SG khoảng những năm 1975 – 1980. Có gì đó như ngưng đọng ở đây: những giọng nói, ngôn từ, những gương mặt... không xa lạ nhưng từ lâu rồi ít còn gặp ở Sài Gòn, kể cả một vài ánh mắt không mấy thiện cảm khi nghe thấy cái giọng Bắc kỳ - 75 của tôi.

Bạn bè lần đầu gặp nhau nhưng đã thấy thật gần gũi.

Thời tiết cũng như lòng người. Mới mấy bữa trước còn lạnh, mưa gió sục sùi, ngày mình tới Cali sáng tối hơi se lạnh như ngày thì nắng ấm, người Cali còn coi là nóng khi nhiệt độ ngoài trời khoảng 24 - 25 độ C. Câu chuyện giữa những người bạn - trên - mạng giờ đây là bạn - ngoài - đời cũng ấm áp như thế. Tôi đi qua đây chỉ có một valy nhưng trong đó một nửa là sách mang theo tặng bạn. Sách của mình, sách của vài tác giả nổi tiếng mà bạn thích. Rất vui là các bạn thích món quà nho nhỏ này. Vui hơn là nhiều bạn đọc còn nhắn qua facebook mời café và... để ký tặng sách các bạn đã có (nhờ mua từ Việt Nam). Với một

người viết hết sức nghiệp dư như tôi có lẽ đây là niềm vui và điều bất ngờ lớn. Điều bất ngờ thứ hai là cuốn truyện cực ngắn "101 truyện 100 chữ" được nhiều người bên này biết đến, do đọc trên blog của tôi và từ việc một vài tờ báo tại đây trích in lại. Viết ngắn có lợi đấy chứ, khi mà những cái mẩu ngắn của mình có thể len lỏi vào bất cứ khoảng thời gian rảnh rỗi nào, vào bất kỳ khoảng không gian nhỏ bé nào trong tâm trí người đọc, ở lại đó và cùng chia sẻ với nhau ý tưởng, câu chuyện cũng như cảm xúc khi mình viết ra.

Còn chuyện gì mà không nói đến trong những buổi café như vậy? Chuyện cũ quê nhà, chuyện bạn bè chung, chuyện làm ăn, gia đình của bạn nơi đây, những sinh hoạt văn hóa, những câu chuyện văn chương... Thấp thoáng sau tất cả là nỗi lòng của những người nặng tình với đất nước, dù bây giờ như tạm coi là thuộc "bên này hay bên kia" hay không là bên nào cả. Có lẽ vì vậy mà nói chuyện với nhau rất chân tình, thoải mái và thẳng thắn. Gặp nhau ở ý tưởng nào cũng quý, mà chưa gần nhau, thậm chí khác nhau về suy nghĩ

nào cũng vẫn tôn trọng nhau, bởi mỗi người một hoàn cảnh một quá khứ... Hình dung giống nhau về một tương lai tốt đẹp hơn cho đất nước mình, đó mới là điều quan trọng.

Nhưng có một điều mà bạn bè "chúng khẩu đồng từ" nói với tôi là "chị trẻ hơn nhiều so với những tấm hình trên facebook". À, với một phụ nữ ở tuổi tôi thì điều đó hơn mọi liều thuốc bổ, nhờ vậy tôi (sẽ) đủ sức rong chơi (và "đấu khẩu") trong những ngày sắp tới trên đất cờ hoa. Một tuần ở quận Cam đầy ắp niềm vui nhưng sao trong đầu cứ lảng vảng giai điệu bài "Để quên con tim". Tôi từ biệt Cali với lời nhắn "ngày rời Cali có người đã để lại chút nâu giòn ấm áp..."

## 2. Nước Mỹ, tháng Năm...

Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng sẽ có một ngày mình đến nước Mỹ chỉ để rong chơi, với tôi điều đó chỉ là một mơ ước. Vậy mà, như người xưa đã nói, có duyên thì sẽ gặp, và tôi đã gặp nước Mỹ lần đầu vào những ngày tháng Năm. Ba tuần ở nước Mỹ trôi

qua thật nhanh, tôi đã kịp đi đến một số thành phố lớn nhờ sự sắp xếp đón tiếp chu đáo của bạn bè. Thật ra mục đích chuyến đi này chưa và không phải là tham quan mà là "thăm dân" - gặp gỡ những người bạn facebook thân quen đã lâu nhưng tôi chưa có dịp offline. Và tôi đã đạt được mục đích thậm chí còn vượt cả mong đợi vì đã gặp được thêm nhiều người bạn khác, trong đó có những người đã luôn tâm đắc chia sẻ với những trang viết của tôi.

Từ biệt nước Mỹ sau ba tuần "chạy số" từ Tây sang Đông rồi lại "khứ hồi" về Tây, chưa kể tạt lên Bắc xuống Nam vài giờ xe chạy. Tôi sẽ nhớ mãi Quận Cam ấm áp thân tình của những người bạn mới mà như thân quen từ thời thơ ấu, nhớ mãi Boston bình yên một nỗi buồn dịu dàng sau sự cố đánh bom một tháng trước, nhớ New York hiện đại và sôi động đến choáng ngợp, nhớ nỗi cô đơn sợ hãi thoáng qua khi một mình trong đêm trên chuyến xe bus đến Philadelphia, nhớ mãi những khoảnh khắc ngẩn ngui đầy yêu thương ở Washington DC, nhớ mãi San

Francisco với chuyến rong chơi vui vẻ như không muốn dừng lại, và không thể quên sự cố nhỏ ngày về để hiểu ra rằng mình rất may mắn khi có những người bạn quý mến mình đến thế...

Từ biệt nước Mỹ, từ biệt những ngày trời đẹp như ưu đãi người lần đầu đến đây, từ biệt những con đường vun vút xe chạy, xa ngát xanh thẳm đưa tôi đến những nơi cần đến. Từ biệt những người bạn, chúc các bạn của tôi luôn bình an và hạnh phúc ở nơi mà họ đã tin tưởng lựa chọn là quê hương.

Tháng Năm đã qua...Tôi biết, một ngày gặp lại còn xa lắm...

### 3. Ngôi nhà có hàng rào son trắng

Đọc những con đường trải

dài tôi qua ở nước Mỹ, bất cứ nơi đâu cũng có thể bắt gặp ngay bên đường, hoặc thấp thoáng trong cánh rừng thưa, hay trong một thị trấn nhỏ nhỏ nào đấy... những ngôi nhà có hàng hiên rộng, vài chậu hoa xinh xắn trên bệ cửa sổ rèm buông lay nhẹ, bãi cỏ xanh nhỏ nhỏ và bên ngoài là hàng rào thưa son màu trắng.

Không hiểu sao khi nhìn thấy những ngôi nhà như thế, trái tim chợt lỡ nhịp, một tình cảm dịu dàng tràn ngập như khi gặp lại mối tình không trọn vẹn. Những ngôi nhà có hàng rào son trắng, với tôi, luôn mang lại cảm giác bình yên mà bất cứ gia đình nào cũng muốn có. Hàng rào thấp son trắng như một ranh giới mong manh, ở trong là những gì thân thuộc ấm áp, bên ngoài là xa lạ lạnh lùng... Hàng rào có cổng, cũng thấp thôi, hay khép hờ hoặc gài tạm, mỗi ngày được

mở ra cho người nhà ra vào, đón tiễn những người khách. Cánh cổng chỉ như "cửa khẩu" tượng trưng, nhìn nó có thể cảm nhận được sự thân thiện hay không của ngôi nhà. Một ngày nào đó, cổng rào luôn đóng im ỉm "nội bất xuất ngoại bất nhập", một ngày nào đó người trong nhà lại ra vào bằng cách vượt qua rào, đập đổ rào, khách đến nhà cũng bằng cách ấy... Một ngày nào đó cánh cổng rào luôn mở toang, chênh mảng, người ra vào thờ ơ không buồn khép lại... Có lẽ ngày ấy sự bình yên của ngôi nhà bắt đầu ra đi...

Có lần, trong giấc mơ tôi thấy mình đứng ngập ngừng bên cạnh cổng rào, không dám đẩy cổng dù nó chỉ được gài chốt sơ sài, cũng không dám bấm chuông, sợ rằng chính tiếng chuông sẽ làm mình chợt tỉnh... Hình như phía sau tấm rèm lay nhẹ kia có ánh mắt ai đó tò mò

nhìn người khách lạ đứng tần ngần bên rào nhà mình. Rồi nhận ra người khách chỉ là kẻ qua đường tình cờ dừng chân chốc lát, ánh mắt kia yên tâm rời khỏi cổng rào quay về với những gì thân quen với nó. Và tôi, không thể dừng chân lâu hơn, đành bước đi, để lại cảm giác hạnh phúc mình - đã - mơ - ước - từ - lâu ở lại phía sau, bên kia hàng rào thấp son màu trắng.

Sao mà tôi yêu những ngôi nhà này đến thế! Kiếp sau, hay nếu may mắn được lên Thiên đàng, nhất định tôi sẽ xây một ngôi nhà nhỏ có hàng rào son màu trắng bình yên...

**NGUYỄN THỊ HẬU**  
(trong tập  
**THẾ GIỚI MẠNG**  
& TÔI, 2014)

## Sài Gòn 18.5.2014

trùng trùng lớp lớp áo xanh áo vàng  
cha con tôi nghe tiếng còi hụ vang giữa thành phố lớn  
những hồi còi báo từ  
cho ai?

tôi đưa con gái mình đi giữa những kẻ sấn người  
cho cháu dự cảm một ngày mai  
đưa con gái 14 tuổi  
ngày xưa luôn hỏi vì sao  
giờ chỉ còn im lặng

này con  
nơi đây từng có một quốc gia  
từng dần xây một mơ ước rạng ngời dân tộc  
này con  
nơi đây giờ hỗn loạn  
cạnh vách tường vàng hơn trăm tuổi giáo đường  
một sáng chủ nhật  
chỉ nhìn thấy màu nắng đỏ  
một tương lai u uất đang chờ!

thôi cha con mình về  
con ngồi vào bàn học  
cha vẫn chưa quá già  
cha cũng ngồi vào bàn  
viết để sáng ước mơ con!

**NGUYỄN ĐÌNH BÓN**



# TỪ Ô CỬA SỐ MÁY BAY

NGUYỄN THỊ HẬU

**Đ**i máy bay tuyến ngắn hay dài tôi đều thích ngồi cạnh cửa sổ, vì suốt chuyến bay gần như không bao giờ tôi ra khỏi chỗ ngồi. Ngồi cạnh cửa sổ luôn được yên tĩnh, có thể quay mặt

nhìn ra bên ngoài để tránh những câu chuyện nhạt nhèo của người ngồi bên, hoặc giả vờ ngủ trong cái cảm giác rất thật là mình đang bay trong không gian, vì ngay bên cạnh, chỉ cách ô cửa nhỏ, luôn là bầu

trời bao la.

Ngoài kia, khi là bầu trời xanh đến không thể xanh hơn, khi là những đám mây trắng bóng bẽnh rong chơi, khi là những tia nắng ban mai nhẹ nhàng

nhỏ lên từ đường chân trời xa thẳm, khi là hoàng hôn đỏ rực ngay dưới cánh máy bay...

Ngoài kia, khi là bầu trời đầy mây xám nặng nề, những ánh chớp loé lên giập dứ, những hạt mưa tạt vào ô cửa nghe như tiếng va chạm của những viên đá nhỏ khi khuấy lý cà phê đá.

Ngoài kia, có khi là bầu trời đầy sao. Dải ngân hà vắt ngang sáng rực, những ngôi sao xa lấp lánh tinh nghịch. Ngôi sao nào là bản mệnh của mình, tôi hay tự hỏi và hình như, mỗi chuyến bay đêm tôi lại tìm ra cho mình một ngôi sao mới. Ngoài kia, thi thoảng là chuyến bay trong ánh trắng mười sáu, tròn trặn, sáng rõ, phô phang hết vẻ đẹp như gái một con khiến ai nhìn cũng khó mà đưa mắt đi nơi khác. Ngoài kia, có khi phía

dưới là biển mênh mông, có khi là sông dài uốn khúc, khi là rừng xanh núi cao, khi là thành phố lấp lánh ánh đèn như những vì sao đêm, khi là lô nhô nhà với đường với xe hiện ra ngày càng rõ... Khi ấy tôi biết mình đang kết thúc một chặng đường, tạm biệt không gian để trở về mặt đất.

Mặt đất, có khi là một nơi xa lạ bỗng trở nên thân quen vì có người đang chờ tôi ở đó; nhưng thường là tôi trở về nơi đã quá quen thuộc... Sài Gòn của 39 năm cuộc đời tôi. Thành phố hiện dần dưới ô cửa sổ. Từ lần đầu tiên tôi nhìn thấy nó đến nay đã thay đổi quá nhiều. Những mảng xanh của đồng lúa, của vườn cây, của những xóm làng ngoại ô miệt Gò Vấp, Hóc Môn, Củ Chi... đã biến mất. Thay vào đó là những ô phố lộn xộn cao thấp chen chúc nhau như hàm răng mọc lệch.

Hơn một năm nay tuyến đường vành đai từ sân bay Tân Sơn Nhất đến Thủ Đức như cái niềng răng khổng lồ đẩy những ngôi nhà ven đường mới xây ngay hàng thẳng lối. Hy vọng vài năm nữa trên máy bay nhìn xuống sẽ thấy những tuyến đường vào thành phố như vành môi mềm mại tươi cười khoe hàm răng đều đặn. Cuộc chinh rừng nào mà không đau đớn, khi cần phải nhổ bớt đi hoặc trồng lại những cái răng quá xấu. Chinh trang một đô thị cũng vậy, quy hoạch giải toả đến bù xây mới... cần một bàn tay "nhà sĩ" khéo léo và có ý đức, để thành phố có thêm "những vành môi, những hàm răng" đẹp. Tiếc rằng ở thành phố này quy hoạch đô thị chưa tạo ra nhiều cảnh quan đẹp, thậm chí có những công trình như "chiếc răng giả" được trồng chưa đúng chỗ.

Thành phố của tôi. Ở dưới đó còn có một không gian khác nối liền những con người bất chấp khoảng cách xa vời đến đâu. Nhưng, mối quan hệ giữa những con người hoàn toàn không phụ thuộc vào không gian thật hay ảo, mà do những điều khác quyết định, đôi khi, chẳng liên quan gì đến khoảng cách địa lý. Những ngày tháng tư đã qua, khoảng cách giữa những con người "bên này bên kia" từ 39 năm trước đang dần thu hẹp, bởi những con người thế hệ sau 1975 đã khoan dung hơn khi nhìn về quá khứ nhưng cũng nghiêm khắc và đòi hỏi cao hơn khi hướng tới tương lai.

Đấy là điều mà tôi thường ngẫm ngợi, khi nhìn ra bên ngoài ô cửa sổ máy bay.

**NGUYỄN THỊ HẬU**

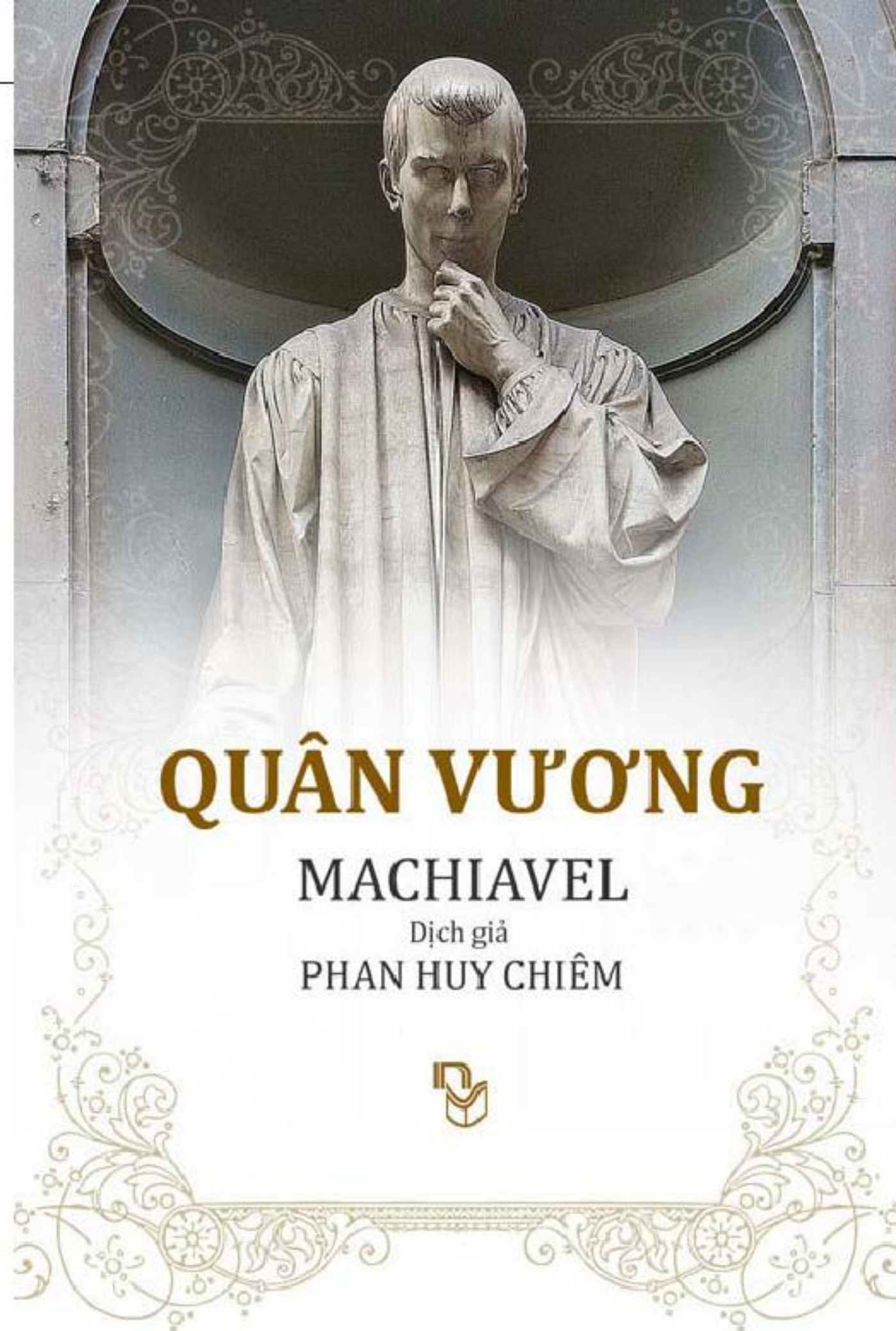
## Trai đàn trên sông Thạch Hãn

Chiều tàn nổi gió trên sông  
Khói nhang quện tỏa xoay vòng u minh  
Thuyền bè đèn sáng lung linh  
Nhẹ chèo, kéo động bóng hình các anh  
Rung rung nước mắt lẫn nhanh  
Mùa hè đỏ lửa\* máu tanh ngập vùng  
Om Mani Padme Hum

## TRẦN HỮU DŨNG

Mô kinh trì tụng rền vang khắp trời  
Hoa đăng sóng vỗ nổi trôi  
Tuổi xuân năm lạnh cút còi đất này  
Chiêu linh hồn phách, cỏ cây  
Có thiêng về chứng theo mây tụ quần  
Lập đàn chung thủy tri ân  
Đêm huyền ảo, tiếng chuông ngân ấm lòng.

\* Quảng Trị năm 1972



Vậy nay Tổ quốc có lâm vào cảnh tuyệt vọng, ta mới có cơ tìm được một Anh hùng Ý Đại Lợi. Cảnh nước Ý hiện nay: nhân dân bị nô lệ hơn dân Do Thái, yếu hèn hơn dân Ba Tư, ly tán hơn dân Nhã Điển, không người lãnh đạo, sống trong cảnh rối ren vô trật tự, bị hà hiếp, bóc lột, xâu xé, quân ngoại xâm tự do hoành hành, đất nước chịu biết bao nỗi đau khổ thảm thương (...) Đến nỗi giờ đây Tổ quốc lâm cảnh hữu thể vô hồn. Ai là người ra tay hàn gắn những vết thương đau, ai là người ra tay dẹp bọn giặc cướp hung tàn hoành hành ba tỉnh Lombardie, Naples, và Toscane, như những ung thư máu chảy không ngừng? Toàn dân tâm niệm cầu Trời mau cử một anh hùng xuất chúng hòng tiêu diệt hết bọn rợ hung tàn, hàn gắn, xoa dịu những cảnh đau thương trên đất nước. Nhân dân sẵn sàng hăng hái nếu hàng theo sau người Hùng phất cờ khởi nghĩa. (...) Đạo lý chống bạo tàn, vũ khí sẽ sớm thành công tiêu diệt quân thù. Trí dũng cảm tù xưa vẫn đó và còn / mãi mãi trong người dân ta - Chương 26: Kêu gọi anh hùng cứu nước.

**NGƯỜI VIỆT BOOKS XUẤT BẢN 2014.** [www.nguoivietshop.com](http://www.nguoivietshop.com) **714-892-9414**

# 18.5

## CHỦ NHẬT ĐEN CỦA NHỮNG NGƯỜI YÊU NƯỚC

NGUYỄN TẤN CỬ

Mọi thứ đều sẽ tro bụi. Tất cả rồi sẽ hư vô. Không một ai có thể sống hoài với nỗi buồn. Không một ai có thể cười hoài với hạnh phúc. Một lúc nào đó nó sẽ sụp đổ tan hoang. Không thể níu kéo được điều gì khi đã tan nát nhạt nhòa. Không thể nhưng người ta vẫn cứ sống soài và bám víu. Đường như mọi thứ vẫn còn đó trước khi nó bốc hơi trước khi nó cạn kiệt trước khi nó vượt mất. Cảm giác trống rỗng khô hạn khi bước ngang qua đường Hàn Thuyên ngày Chủ Nhật. Anh không còn thấy em ở đó nữa không còn thấy trên chiếc ghế đá quen thuộc kia một chiếc túi màu xanh lam làm

dấu. Không còn thấy nữa một giấc mơ vừa đi qua trên những chiếc lá rơi. Công viên đang bị "giới nghiêm" công viên đang bị tước đoạt bị canh gác bởi những bóng ma bởi những con sói đang lẻ lười lợn lờ tất cả đều mang theo những gương mặt đen đúa sản sùi âm u mùa hạ. Tất cả đều bị xua đuổi tất cả đều bị lừa về cuối đường về bên bờ sông nắng cháy. Tất cả đều chạy đều phải ngo ngoác. Những đôi tình nhân kia những người bạn trẻ kia... Họ đã làm gì đến nỗi phải bị truy đuổi bị nghi ngờ.

Không biết. Đây là vùng "nhạy cảm" đây là nơi dễ

phát sinh ra lửa đây là nơi dễ tụ tập dễ lôi kéo đây là nơi đã làm sụp đổ nhiều chế độ. Vì vậy nên không ai ngạc nhiên khi người ta lại có thể sợ hãi những khuôn mặt non choẹt kia. Không ai ngạc nhiên khi chính quyền bỗng nhiên quan tâm lo âu cảnh giác với những người trẻ tuổi xinh đẹp đang hồn nhiên ca hát kia. Vì họ hiểu một điều rằng một khi những người tuổi trẻ kia đứng dậy thì cũng đồng nghĩa cái chế độ già cỗi bạo tàn liệt vị này sẽ sụp đổ sẽ ra đi.

Anh biết rằng em đang đi đâu đó "Anh không thể biết được" trong những ngày nóng bỏng này. Anh chỉ nên





biết rằng rồi có ngày em sẽ quay trở lại chỉ để nói với anh rằng “Bọn em đã tự đứng lên được trong cái đồng tro tàn khốn khổ này.” Sẽ không có ai điều khiển được bọn em trong cái đám hỗn quân hỗn quan trong thời khắc lâm le quân thù trước ngó này. Tuổi trẻ bọn em như sớm mai của những ngày tiền cách mạng này. Những bóng ma đang lung sục soi mói hằn học căm thù kia rồi cũng sẽ biến mất về địa ngục cùng băng đảng của chúng đã lụi tàn. Và cả những kẻ đang nhúng lậm Thời Trang Cách Mạng kia cũng phải thôi đi cái màn phô trương lỗ lãng màu mè

chói mắt cô liêu một khi họ biết họ chẳng có một chút vai trò gì trong cái đất nước điều linh này ngoài cơ hội được xiển dương tên tuổi của mình qua những cuộc xuống đường mỗi mết.

Thế giới này là của em không ai khác. Mặt đất này của em không ai nữa. Thành phố con đường này là của em chắc chắn rồi và cả công viên ghế đá trời xanh kia nữa sẽ không bao giờ còn bọn cú vọ treo trên nhánh cây cao mai phục ngóng đợi sòng sọc săn tìm.

Hãy bay đi bóng đêm. Hãy bay đi trưa hè nắng cháy.

Hãy bay đi những uất hận. Sẽ không phải còn chờ đợi lâu hơn nữa đâu khi em đã đứng lên khi thế hệ em đã vùng lên rũ sạch những mớ hôi bụi bặm ăm ứ đọng chờ.

**NGUYỄN TẤN CỬ**

# theo mây đi cùng mây về

Kỷ Sự Du Tăng của **MẶC PHƯƠNG TỬ**



Hình: **IMICHAEL TRAN**

Tiếp theo  
kỳ trước

### 3. TẮM BIỂN

Mới hơn 4g sáng, tiếng gõ cửa phòng từ phía bên ngoài của mấy vị thầy trẻ gọi mời đi tắm biển, tiếp theo là nghe tiếng lẹp xẹp của nhiều người đi về phía đầu cầu thang.

Nhìn qua cửa sổ, thấy từng tốp người hối hả đi ra hướng biển, trời còn sớm, nên biển vẫn còn im, những cơn gió vẫn nhip nhàng qua những cành dừa nghiêng bóng, thỉnh thoảng có một vài lượng sóng con tạt vào bờ cát mịn, lở nhỏ những người lặn hụp, nhảy sóng, trường cát, trông ra vẻ thích thú, hào hứng lắm.

Chúng tôi hỏi : tắm biển chi sớm vậy?

Mấy vị trả lời ngay ! Tốt lắm; nào là để xả stress, sóng biển có tác dụng như là massage nhẹ, nước biển có khả năng cung cấp oxy cho cơ thể, tắm biển để được cải thiện các hoạt động của mạch máu, ổn định nhịp tim, giảm huyết áp khi bị cao, tắm biển làm cho các cơ bắp được khỏe, giảm đau nhức các khớp bị tê thấp,..v.v... những lợi ích ấy do tắm biển.

Nhìn chung, tất cả những tác dụng ấy nhằm giúp ích cho cơ thể vật chất, đồng thời ít nhiều liên hệ đến đời sống tinh thần trong xã hội, nhứt là giữa cuộc sống bộn bề hôm nay, trăm sự lo toan, trăm phần đối mặt, tất bật với bao chuyện áo cơm, nhà cửa, công danh sự nghiệp.

Thế nhưng, cuộc đời vốn là biến pháp mênh mông, tất cả từ nguồn tâm vô tận, mà

các bậc thiện trí thức, các bậc Thánh đức, Hiền đức, cùng chư Phật, và Bồ tát đều tắm bằng ý thức để được giác ngộ, để được nhận ra sự vật hiện tượng “không ta, không của ta” để tâm được nhẹ nhàng cao trên trong sáng an vui của một tâm hồn.

Nếu như vị mặn của nước biển sẽ tạo ra nhiều năng lực cho cơ thể tiếp thu, để hóa giải những bệnh tật từ nơi thân cần phải được hóa giải, để đem lại cho một chiếc thân không bệnh. Cùng thế ấy, giáo pháp của Phật có năng lực giúp cho chúng ta tiêu trừ những ô uế nơi thân và tâm, không còn bị những trói buộc và phiền não, sạch bản bời những tham-sân-si, không còn bị đọa lạc vào sự thống khổ. Đó chính là vị giải thoát.

Thiền nghỉ; không có bến hay bãi tắm nào đem lại hạnh phúc thật sự cho tự thân và tha nhân trong thế gian này, một khi chúng ta còn thấm mặn những bùn dục, những ý tưởng tầm cầu thường tình qua từng

lớp sóng phàm tâm, cho dù có rắn khỏe thân thể này, nhưng tự trong sâu thẳm tâm hồn vẫn còn chứa đầy những bệnh tật, gây guộc ốm đau giữa những người bệnh hoạn, ta sống bị bệnh hoạn.

Chúng tôi chợt nhớ đến lời Phật dạy đến với Bà La Môn Sagarava, như sau :

... “Chánh pháp là ao hồ  
Giới là bến nước tắm  
Không cấu uế, trong sạch  
Được Thiện nhân tán thán.  
Là chỗ bậc có trí  
Thường tắm trừ uế tạp  
Khi tay chân trong sạch,  
Họ qua bờ bên kia.”  
Kinh Tương Ung I.

Như vậy, sự tắm rửa của mọi sự tắm rửa bằng ý thức trong sáng, lành mạnh, đem lại bình an cho mình và người và cho cả cuộc đời, vẫn là quý hơn mọi sự tắm rửa, là vượt thoát mọi sự tắm rửa...

(còn tiếp)

**MẶC PHƯƠNG TỬ**

## TRẦN HỮU DŨNG

### Khoảng cách

Nằm thờ dốc trên đường biên cuộc sống  
Cố hình dung gương mặt tôi lúc này  
Rướn mình tề đại, tím tái băng qua  
Khoảng cách đón đau, phân định vô hình  
Bóng tối và Ánh sáng!

# THỰC DÂN, NÔ LỆ, ĂN MÀY

thống thực dân nội hoá đã ranh mãnh tạo nên một khoảng cách vừa xa, vừa gần. Dù xa để thấy ông ta vĩ đại quá, cao cả quá. Dù gần để thấy ông ta gần gũi quá, thân thuộc quá, như thể cùng chia sẻ một phần máu huyết với mình. Và để tạo nên cái khoảng cách vừa xa vừa gần ấy, nhà cách mạng đội mũ cối không nhất thiết phải đọc chiếm chữ “bác” nhưng lại chiếm hữu những thứ khác thâm hiểm hơn nhiều. Như cái bài hát “Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn các em nhi đồng”, cũng ra đời

vào năm 1945, chẳng hạn. [18]

Khi nhồi sọ vào các thế hệ mầm non những câu hát thuộc loại Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn các em nhi đồng / Ai yêu các em nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh, hệ thống toàn trị đã xâm lấn vào những tâm hồn trong sáng và những giếng mối quan hệ cùng tình cảm gia đình. Không ai có thể so đo hơn thua trong những tình cảm tế nhị và thiêng liêng như thế nhưng, ngay từ đầu, đầu óc non nớt của các em đã

bị ô nhiễm với cái ý tưởng kỳ thị cảm tình. Không ai yêu các em bằng “Bác”, kể cả cha mẹ ông bà. Các em cũng không thể yêu ai hơn là yêu “Bác”, kể cả ông bà cha mẹ. Mà nếu phải chăm chỉ học hành thì trước hết, các em phải học để “xứng đáng” là “cháu Bác Hồ Chí Minh” [19] Một phương pháp giáo dục như thế không chỉ tách đứa bé ra khỏi những khuôn mặt gần gũi và thân yêu nhất của mình mà còn tách các em ra khỏi chính các em, vong gia và vong thân. Cực kỳ phản sự phạm.

Không chỉ phản sự phạm, đó còn là một phương pháp sắc mùi thực dân và cái ông “Bác kính yêu” ấy không chỉ kế thừa từ thực dân cái mũ cối ở trên đầu mà còn thừa kế cả cái dả tâm xâm lược ở trong tim. Khi nhồi sọ những đứa trẻ bằng những bài ca hay về như thế, bộ máy cai trị của ông ta đã xâm lược vào những giếng mối quan hệ thiêng liêng, thâm hiểm hơn cả thực dân Tây hay thực dân Tàu.

Thật vậy. Khi áp dụng chính sách đồng hoá người Việt cổ, thực dân Trung Hoa của ngàn năm Bắc thuộc đã xâm lấn và hủy hoại những giếng mối quan hệ của tổ tiên chúng ta thời ấy với lớp tổ tiên đi trước. Khi hủy diệt những dấu vết văn tự trên đất nước chúng ta, thực dân Trung Hoa của 10 năm Minh thuộc đã tiến hành cái trò xâm lược thâm hiểm tương tự. Khi dạy cho học trò tiểu học bài sử đầu tiên “Tổ tiên chúng ta là người Gôloa”, thực dân Pháp đã thâm hiểm một thể với mục tiêu cắt đứt giếng mối quan hệ giữa học sinh thời ấy với những thế hệ tổ tiên từ trong các huyền sử xa xăm. Nhưng khi can thiệp vào những giếng mối và quan hệ tình cảm của các em thơ, hệ thống toàn trị mũ cối đã đẩy cái trò xâm lược thâm hiểm này xa hơn, sâu hơn vào từng ngóc ngách gia đình, can thiệp sâu vào tình cảm giữa những thế hệ đang giáp mặt với nhau.

Nếu Không Từ cho rằng

kiểm duyệt bỏ chấm chấm chấm như thời chế độ thực dân. Ôi, đau đớn làm sao, nhục nhã làm sao! Hỡi hồn thiêng các liệt sĩ Đặng Thùy Trâm, Dương Thị Xuân Quý, Nguyễn Văn Giã, Chu Cẩm Phong, Nguyễn Thị, Lê Anh Xuân, Trần Đăng, Thôi Hữu, Nam Cao, Trần Mai Ninh... và tất cả các liệt sĩ của tất cả các thế hệ đã ngã xuống vì độc lập tự do, hãy về đây mà chúng kiến cho nỗi nhục của chúng tôi! Chẳng lẽ chiến đấu như thế, hy sinh như thế để chuốc lấy nỗi nhục này? Sau bao nhiêu năm chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do, nay chỉ xin cái mức tự do ngôn luận như thời thực dân mà cũng không được. Xưa là nô lệ cho ngoại bang, nay lại làm nô lệ cho một nhóm cầm quyền nhân danh Đảng.” [10] “Á tế á ca” hay “Bài thơ về châu Á”, bài thơ dài 200 câu làm theo thể song thất lục bát, được

dùng làm tài liệu giảng dạy ở Trường Đông Kinh Nghĩa thực (1907), gọi là “Đề tính quốc dân ca”. Chưa rõ tác giả dù có người đoán là của Phan Bội Châu, nội dung lên án chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp, kêu gọi nhân dân Việt Nam noi gương Nhật, đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc. Xin trích những đoạn khá “đắt” với chính sách kinh tế XHCN thời “bao cấp”:  
Rượu ta nấu, nó cho rượu lậu  
Muối ta làm, nó bảo muối gian  
Hay:  
Các hạng thuế các làng thương mại...  
Hết đình điền rồi lại trâu bò  
Thuế chó cũi, thuế lợn lò  
Thuế muối, thuế rượu, thuế đồ, thuế ghe  
Thuế sản vật, thuế chè thuế thuốc  
Thuế môn bài, thuế nước thuế đèn

Thuế nhà cửa, thuế chùa chiến  
Thuế rừng tre gỗ, thuế thuyền bán buôn  
Thuế cả hết phần sơn đường phố  
Thuế những anh thuốc lợ gây côm  
Thuế gò, thuế bãi, thuế cồn  
Thuế người chức sắc, thuế con hát đàn.  
Hay “Bình Ngô Đại Cáo” (bản dịch Ngô Tất Tố):  
[...] Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn  
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ  
Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế  
Gây thù kết oán trải mấy mươi năm  
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời  
Nặng thuế khóa sạch không đầm núi.  
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc,  
Ngán thay cá mập thuồng luồng.  
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm

vàng,  
Khốn nỗi rừng sâu nước độc.  
Vét sản vật, bắt dò chim sà, chốn chốn lưới chăng.  
Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.  
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,  
Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng.  
Thằng há miệng, đứa nhe răng,  
Máu mỡ bấy no nê chưa chán,  
Nay xây nhà, mai đắp đất,  
Chân tay nào phục dịch cho vừa?  
Nặng nề những nỗi phu phen  
Tan tác cả nghề canh cửi.  
[11] Xem bài báo “Đồng chí Trương Tấn Sang: Nhà báo phải cống hiến nhiều hơn vì nhân dân” của Tr.Bình – M.Ảnh trên Sài Gòn Giải Phóng ngày 20.6.2009.  
<http://www.sgpp.org.vn/chinhtri/2009/6/194492/>  
Ngày 19-6, kỷ niệm 84 năm ngày

“lẽ” phải đi kèm với “nhạc” thì những bằng chứng “lẽ/nhạc” như thế cho thấy lãnh tụ mũ cối của chúng ta đã áp dụng y hệt nguyên lý cai trị của các bậc quân vương.

Khi bề tôi của các bậc quân vương có liễu mình xả thân, họ đã không ý thức rõ ràng họ đang xả thân cho đất nước của họ. Như những kẻ ăn lộc vua, họ xả thân là để báo đáp ơn vua. Trần Quốc Toàn ngày xưa, có bóp nát quả cam trong tay tại Hội nghị Bình Than rồi trở về thành lập toán quân nghĩa dũng, vì anh hùng trẻ tuổi này cũng chỉ hành động với khẩu hiệu “Phá cường địch báo hoàng ân” chứ không nêu cao khẩu hiệu “vì nước”. Nếu “nước”, trong cách hiểu theo khái niệm “quốc gia” hiện đại, là sản phẩm của cuộc cách mạng kỹ nghệ tại Âu châu và du nhập vào các nước Á – Phi trong nỗ lực giải thực thi, chính với những cuộc vận động giải thực này, người dân các thuộc địa này mới hiểu thế nào là xả thân cho đất

nước của mình. Nhưng đó là những cuộc cách mạng thực sự là... giải thực. Với thứ “cách mạng” chỉ để thay màu da dưới cái mũ cối thì sự thể vẫn vậy nên, có xả thân thì, trước hết, những công dân ung ý nhất của nó cũng phải nêu cao cái khẩu hiệu dăng công lên lãnh tụ và bộ máy cai trị nói chung. Thời thực dân Pháp, thanh niên Việt Nam bị dẫn dụ hay ép buộc sang chiến trường hay cơ xưởng Âu châu để đền đáp “ơn khai hoá” của nhà nước Đại Pháp chung chung. Thời thực-dân-hậu-thực-dân thì những thế hệ tiếp nối cũng chỉ lập lại cùng cái công việc đền đáp mang bản chất ăn mầy với những khẩu hiệu lập công “dăng Đảng”, “dăng Bác” hay để “xúng đáng” với niềm tin mà hai thứ ấy đã trao. Nhỏ thì chăm học để xứng là “cháu”, lớn thì chăm chăm lao vào chỗ chết để xứng hay chăm chăm với ý tưởng làm sao để xứng với “niềm tin” của bộ máy cai trị. Đất nước có thể nào ngóc đầu lên nổi khi thế hệ tiếp nối thế hệ chăm

chăm nhau cái sự “xúng đáng” ngu xuẩn này?[20] Đó là những thế hệ mà giếng mối tình cảm, trong đó có cả giếng mối quan hệ với đất nước của mình, đã bị xâm lược và hủy hoại. Mà cả lãnh tụ đội mũ cối cũng đã bị hủy hoại như thế nên, khi trấn trối một cách bình tĩnh trong bản di chúc viết đi viết lại trong vòng 4 năm trời, từ 1965 đến 1969, ông ta đã không may may đề cập đến những tổ tiên mà chính ông ta từng nhắc nhờ là “có công dựng nước”. Có viết đi viết lại thì ông ta cũng chỉ viết về cái ngày “đi gặp cụ Mác cụ Lê” và “các bậc cách mạng đàn anh” vậy thôi. [8] Như thế thì vị lãnh tụ che đầu bằng cái mũ cối thực dân này cũng chỉ là một thứ ký sinh và ở đợ tinh thần. Ông ta thán nhiên rằng ông “không có tư tưởng nào khác ngoài tư tưởng Mác – Lê Nin”. Ông ta vui vẻ rằng ông không cần viết sách lý luận và hãy để việc này cho Mao Chủ tịch chu tất. [21] Rồi ông ta sát son rằng ông ta có thể sai chứ

Mao và Stalin không thể nào sai! [22] Lãnh tụ “kính yêu” mà đã thế thì nói gì là những sản phẩm ung ý nhất của cái hệ thống giáo huấn mà ông ta nặn ra?

Đó là hệ thống nhất quán từ A tới Z, bắt đầu từ tiếng “Bác”, từ bài “đồng dao” vong thân cho lứa tuổi nhi đồng đến khẩu hiệu “Đời đời nhớ ơn...” v.v... trong lớp học cho đến những mức độ tôi đòi hoá cao hơn, phức tạp hơn về những giá trị “vĩ đại” và “vinh quang” đầy tính tôi đòi. Và đó cũng chính là những giới hạn không thể vượt qua, cũng giống như hệ thống giáo dục khoa cử Nho học với những “húy” mà sĩ tử không thể phạm, những giáo điều phải học thuộc lòng. Để “thành đạt” trong một hệ thống như thế thì phải lâu lâu như những sản phẩm ký sinh của hệ thống, lâu lâu một cách hỗn nhiên hay vờ vịt hỗn nhiên.

Quen với một môi trường giáo dục như thế nên tôi đã ngạc nhiên đến ngẩn

“Báo chí Cách mạng Việt Nam”, ông Trương Tấn Sang đã đến “làm việc” với Hội Nhà báo Việt Nam, và trong “làm việc” này có lúc họ Trương “lưu ý” Hội nhà báo: “Trước một số vấn đề phức tạp, nhạy cảm, kể cả vấn đề hệ trọng liên quan đến chính sách đối nội, đối ngoại của đất nước còn có biểu hiện vội vàng, chủ quan, chạy theo dư luận, gây khó khăn cho công tác lãnh đạo, điều hành. Một số cơ quan báo chí còn đưa thông tin sai, gây tác hại về chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước và các địa phương, doanh nghiệp...”  
Chú ý chữ “gây khó khăn cho công tác lãnh đạo”.  
[12] Tôi dựa vào một số đơn từ trong Quảng tập viêm van của Edmond Nordemann, bản dịch của Nguyễn Bá Mão (NXB Hội Nhà văn & Trung tâm Văn hoá Đông Tây, 2005), tập trung trong chương thứ 3, kể từ trang

70. Nguyên tác Chrestomathie Annamite – Contenant 180 textes en dialecte Tonkinois, xuất bản năm 1898. Tác giả là giảng viên Trường Thông Ngôn, lấy tên Việt là Ngô Đề Mân.  
[13] Có thể xem một số mẫu đơn trong các trang web sau: <http://khudothimoi.com/dulieu/mau-hop-dong/351-mau-don-mau-giay-to-xin-cap-phiep-xin-giay-chung-nhan.html> hay: <http://ussh.edu.vn/mot-so-mau-don-v-a-giay-chung-nhan/140>  
[14] Trước đó thì là “trăm” là đại danh từ nhân xưng ngôi thứ nhất nhưng từ đây thì chỉ mỗi Tấn Thủy Hoàng được xưng “trăm”, còn lại thì tất cả phải là “tôi”, nghĩ “tôi tôi”.  
Sử ký của Tư Mã Thiên, chương “Tấn Thủy Hoàng bản kỷ”, bản dịch của Nhữ Thành, đã ghi với lời chú:  
“... Quà nhân, một người nhỏ

bé hung binh trừ khử bọn bạo nghịch làm loạn. Nhờ uy linh của tôn miếu, sáu nước đều chịu tội thiên hạ bình định. Nay nếu không thay đổi danh hiệu thì không sao xứng với cái công lao đã làm được và truyền cho đời sau. Các người hãy bàn nên đặt hiệu để như thế nào.  
Thừa tướng là Vương Quán, ngự sử đại phu Phùng Kiếp, đình úy Lý Tư đều tâu:  
-Ngũ Đế ngày xưa đất chỉ vuông ngàn dặm, ngoài ra là đất đai của chư hầu và của man di, họ vào châu hay không thiên tử cũng không cai quản được. Nay bệ hạ dấy nghĩa binh, giết bọn tàn ác và nghịch tặc, bình định được thiên hạ, bốn biển thành quận và huyện, pháp luật và mệnh lệnh đều thống nhất ở một nơi, từ thượng cổ đến nay chưa hề có. Ngũ Đế đều không bằng. Bọn thần sau khi bàn bạc kỹ lưỡng với các bậc sĩ thấy rằng:

Ngày xưa có Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Thái Hoàng, nhưng Thái Hoàng là cao quý nhất. Bọn thần liêu chết xin dâng tôn hiệu của nhà vua là Thái Hoàng, mệnh ban ra gọi là “chế”, lệnh ban ra gọi là “chiếu”, thiên tử tự xưng gọi là “trẫm” (1).  
Nhà vua nói:  
-Ta bỏ chữ “thái”, lấy chữ “hoàng”, thêm chữ “đế”, của những vị đế thời thượng cổ hiệu gọi là Hoàng Đế còn những điều khác thì như lời các khanh tâu.  
.....  
1. Các đời trước không dùng danh từ “chế” và “chiếu”, “Chế” quan trọng hơn “chiếu”, chỉ nhà vua mới được dùng chữ ấy, còn Thái Hậu thì có khi dùng chữ “chiếu” khi thay thế nhà vua trị dân, nếu gọi là “chế” tức là có ý muốn làm vua. “Trẫm” trước là một đại từ chỉ ngôi thứ nhất dành cho mọi người. Sách đạo giáo dùng chữ trẫm để chỉ một

người trong lớp học tạm bợ ở trại tỵ nạn về những nền tảng giáo dục và văn hoá Tây phương. Lớp học dành cho những người tỵ nạn lóm bóm đòi chút tiếng Anh, đủ để làm việc cho các cơ quan của Liên Hiệp Quốc và buổi thảo luận do một nhân viên của cơ quan quốc tế này hướng dẫn tưởng là bình thường như một cơ hội để hoàn thiện tiếng Anh: "Theo bạn, ai là người vĩ đại nhất nhân loại". Bình thường thôi và chúng tôi, đầu khoảng mười học viên, tiếp nối nhau nêu tên thần tượng của mình, vận dụng bằng hết khả năng Anh ngữ để chứng minh thật thoả đáng luận điểm của mình. Người theo Đạo Phật thì có Đức Phật. Tín đồ Thiên Chúa giáo thì có Chúa Jesus. Kẻ mê khoa học thì Albert Einstein, người mê văn chương thì Victor Hugo, Leo Tostoy và, có người thì đơn giản: "Mẹ tôi". Chúng tôi thảo luận rào rào như thế bằng kiến thức và ngôn ngữ chắp vá của mình cho

đến khi nhận được câu trả lời riêng cho từng người, để trong hộp giấy cứng, mang ra đọc ở ngoài hành lang.'

Lời đáp thật đơn giản và thật bất ngờ: một tấm gương soi dưới đáy để câu trả lời, cho bất cứ ai đến lượt, cũng chỉ là khuôn mặt của mình.

Đó không đơn thuần là lời đáp cho một câu hỏi mà là một triết lý, một nền tảng văn hoá đã làm tôi ngáy người như một phát minh thú vị. Mà quả là thú vị khi, trong một hoàn cảnh trở trêu như thế lại có thể, vô hình trung, gặp lại Nguyễn Thái Học trên một miền đất lạ. Bạn mới là người vĩ đại nhất. Bạn cho rằng Đức Phật là người vĩ đại nhất ư? Bạn cũng có thể có trở thành Phật lắm chứ, vấn đề là bạn có muốn làm hay không! Bạn cho rằng Einstein là người vĩ đại nhất ư? Tại sao bạn không cố lên, bạn cũng có thể trở thành một nhà khoa học như ông ta lắm

chứ? Vần vắn, bao nhiêu là tên tuổi vĩ đại nhưng cứ ước mơ, cứ tưởng tượng và cứ gắng sức, hoàn toàn không có một giới hạn nào đặt ra trước mặt: Không thành công cũng thành nhân.

Không thành công cũng thành nhân và hiện tại đã có quá nhiều lời ta thán về tình trạng "không thành công mà cũng chưa thành nhân" của nền giáo dục toàn trị với sự khủng hoảng hầu như toàn diện. Khủng hoảng từ sự áp dụng máy móc của những giáo điều xơ cứng đến sự lúng túng, thiếu sáng tạo trước những đòi hỏi gay gắt của cuộc sống. Khủng hoảng từ nhân phẩm của ông thầy cho đến đạo đức của học trò. Khủng hoảng từ chương trình giảng dạy cho đến thể lệ thi cử, khủng hoảng từ những thay đổi xoành xoạch chẳng đâu vào đâu và những chính sách mâu thuẫn, chông chéo lên nhau. Một cuộc khủng hoảng mà, cả những

người trí thức nhất và tâm huyết nhất vẫn phải bó tay trong cái khát vọng tạo nên cú hích thay đổi. Họ bó tay, bất lực. Họ mù tịt, chẳng biết phải bắt đầu cú hích ở chỗ nào.

Thì cũng dễ hiểu thôi. Khi nền giáo dục đóng khung trong những giới hạn không thể vượt qua thì tự thân nó đã là một giới hạn không thể vượt qua, trở trêu như là tự mắc vào cái bẫy của chính mình với cái tình thế Catch-22 không thể nào giải quyết.[23] Nếu hệ thống chỉ nhắm đến việc đào tạo những sản phẩm kỹ sinh thì những thành viên thành đạt nhất phải chứng tỏ được khả năng kỹ sinh cao nhất. Mà thành đạt nhất cũng có nghĩa là quyền lực nhất. Trong mối quan hệ cộng sinh giữa quyền lực như thế với và tình-trạng-hiện-hữu, cái status quo của hệ thống, thành viên nào dám vút hết những phần thưởng nhận được để phá vỡ sự ổn cố của hệ thống đang

lực lượng siêu tự nhiên, một đấng không ai trông thấy. Bọn Lý Tự đề nghị dùng chữ này là vì thế."

[15] Theo tiểu sử chính thức thì Hồ Chí Minh sinh ngày 19.5.1890, nghĩa là năm 1945 mới có 55 tuổi.

Xin dẫn câu thơ của Xuân Diệu, bài "Anh Cù Hồ", Thơ dâng Bác, tuyển tập 1945-1955

Trẻ con sớm dậy thoáng to  
vương.

Bác ở trong lòng biết mấy  
thương!

Bò lão đêm nằm mơ lứa tuổi,  
Thấy vui như nhớ một vùng  
dương.

[16] Bậc tôi tớ, không được  
ngáng đầu nhìn thẳng mặt bậc  
quân vương, chỉ được phép nhìn  
vào bệ đá dưới chân vua mà tâu.

[17] Xuân Diệu, "Thơ dâng Bác  
Hồ", viết năm 1953

[5] Phong Nhã, "Ai yêu Bác Hồ  
Chí Minh hơn thiếu niên nhi  
đồng"

"Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn

thiếu niên nhi đồng (3 lần)  
Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn  
thiếu nhi Việt Nam."

Phong Nhã tên thật là Nguyễn Văn Tường, sinh năm 1924. Bài này sáng tác vào cuối năm 1945, lúc Hồ Chí Minh mới có 55 tuổi nhưng cũng đã "già hoá" ông ta: "Hồ Chí Minh kính yêu Bác đã bao phen bôn ba nước ngoài vì giống nòi/ Bác nay tuy đã già rồi / Già rồi nhưng vẫn vui tươi..."

[18] Bài thơ "Thư Trung thu" của Hồ Chí Minh, đăng báo Nhân Dân ngày 25-9-1952:

Ai yêu các nhi đồng  
Bằng Bác Hồ Chí Minh?

Tính các cháu ngoan ngoãn  
Mặt các cháu xinh xinh

Các cháu hãy cố gắng

Thi đua học và hành

Tuổi nhỏ làm việc nhỏ

Tùy theo sức của mình

Để tham gia kháng chiến

Để gìn giữ hoà bình

Các cháu hãy xứng đáng

Cháu Bác Hồ Chí Minh.

[19] Thí dụ như ca khúc "Bác

đang cùng chúng cháu hành  
quân" của Huy Thục: "Đêm nay  
trên đường hành quân ra mặt  
trận / Trùng trùng đoàn quân  
tiến bước theo con đường của  
Bác / Nỗ ngàn hoa chiến công  
ta dâng lên Người / Dâng lên  
tôi Đảng cả niềm tin chiếu sáng  
ngôi..."

Cũng có thể thấy điều này qua  
các khẩu hiệu mới nhất như  
"Công an nhân dân chỉ biết còn  
Đảng còn mình" hay "Đảng, mùa  
Xuân, Dân tộc".

Xem: Nguyễn Tôn Hiệt, "Những  
khẩu hiệu quái đản", Tiền Vệ:  
<http://www.tienvet.org/home/activities/viewThaoLuan.do?action=viewArtwork&artworkId=10633>

[20] Theo thông tin chính thức  
của Đảng Cộng sản thì Hồ Chí  
Minh bắt đầu viết di chúc vào  
dịp sinh nhật của mình vào năm  
1965, và sửa đi sửa lại trong  
những dịp sinh nhật tiếp theo.  
Trong di chúc có đoạn:

"Vì vậy, tôi đề sẵn mấy lời này,  
phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các

Mác, cụ Lênin và các vị cách  
mạng đàn anh khác, thì đồng  
bào cả nước, đồng chí trong  
Đảng và bầu bạn khắp nơi đều  
khỏi cảm thấy đột ngột."

Xem:

[http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co\\_id=28340579&cn\\_id=344472#Kw19PIPEcFPR](http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=28340579&cn_id=344472#Kw19PIPEcFPR)

[21] Nguyễn Văn Trấn (1995) Viết  
cho mẹ & Quốc hội, California:  
Văn Nghệ, tr. 143:

"Hôm đó, là tổ trưởng, tôi làm  
nhiệm vụ phản ánh trực tiếp.  
Một mình Bác Hồ, một mình tôi.  
Tôi báo cáo tình hình, anh em  
trong tổ nói bộ hết duyên rồi  
sao mà lấy tư tưởng Mao Trạch  
Đông làm tư tưởng chỉ đạo Đảng  
ta. Nhưng anh em giao là nói  
trong tổ cho nhau biết chớ không  
phát biểu ở hội trường. Và đã lộ  
miệng nói một điều quan trọng  
như vậy, trong quan hệ quốc tế  
này thì ngậm miệng đừng nói đi  
nói lại là hơn. Hồ Chí Minh nhắm  
hí mắt như Staline khi gặp vấn

trạo thương cho mình?

Như thế, chính bản chất thực dân của hệ thống toàn trị mới là căn nguyên lớn nhất của tình trạng khủng hoảng nói trên. Cái cuộc khủng hoảng toàn diện không thể nào cải tổ mà, để giải quyết, phải tiến hành sự thay đổi toàn diện mang tính cách mạng.

Như cuộc khủng hoảng về đạo đức thầy trò chẳng hạn. Trang bị cái gọi “văn hoá mới xã hội chủ nghĩa” hay “văn hóa quần chúng”, hệ thống toàn trị đã xâm lấn vào văn hoá truyền thống và do đó “tách” công dân của mình ra khỏi những giá trị truyền thống ở đó thầy phải ra thầy và trò phải ra trò cùng những chuẩn mực “hiền minh” để tin, theo khác. Bác đã lên đường nhẹ bước tiên, Mác Lê Nin thế giới người hiền, nếu chuẩn mực “hiền minh” của thứ “văn hoá mới” này là những lãnh tụ chuyên hờ hờ đáp phá, hờ hờ

cái sự tiêu diệt giai tầng khác để bảo đảm quyền lợi của giai tầng mình thì hậu quả phải là những thành viên quen mùi đập phá, quen mùi tiêu diệt và quen mùi với quyền lợi riêng mình, trong đó có những “thằng thầy” và những “thằng trò”. [24] Hay như, những lời ta thán về sự xuống cấp của tiếng Việt. Đây đó, đã có những lời báo động về ảnh hưởng của kỹ thuật, nhưng sự nhiễu xạ từ tác động kỹ thuật chỉ thuần túy là cạnh kỹ thuật bởi, trước sự du nhập của những cái máy computer hay cái mobil phone, ngôn ngữ chẳng đã từng bị ta thán là hết cái sự xuống cấp là gì? Vấn đề ở đây là, khi hệ thống toàn trị tách rời con người ra khỏi đất nước mình, do đó tách rời họ ra khỏi tiếng nói chung gọi là “Quốc ngữ” của mình và ngày đêm nhét vào tai họ ngôn ngữ chính trị của hệ thống. Hậu quả phải là tình trạng loạn ngôn khi tiếng nói đã bị nhiễu xạ và xuống cấp theo ngôn

ngữ đầu tổ, ngôn ngữ nghị quyết và ngôn ngữ tuyên truyền, thứ ngôn ngữ mang bản chất thực dân và my dân của bộ máy giáo huấn toàn trị. [25]

Và như, những lời ta thán về vấn đề sang nhượng lãnh thổ và sự thờ ơ của đa số công dân trước vấn đề lãnh thổ. Đã tiến hành “cách mạng” chỉ để thay đổi màu da dưới cái mũ cối thì hệ thống cũng chỉ kế thừa lãnh thổ như thế là kế thừa cái mũ ấy trên đầu. Đã kế thừa lãnh thổ như một thứ thực dân thì cũng hành động như một thứ thực dân và hậu quả là đất đai bị tước xẻo y như là thời... mất nước. Và khi con người bị hệ thống tách ra khỏi đất nước, phải tồn tại bằng cách bám vào hệ thống như một thứ ký sinh, họ đâu còn biết đến “lãnh thổ quốc gia”? Cái mà họ biết hay chỉ vờ vịt biết là không gian sinh tồn, là cương vực riêng của hệ thống.

Hẳn nhiên, những chủ

trương ngu dân như thế không thể thế nào dung hợp với khát vọng sống của con người. Nếu đã không hợp với con người mà những từ ngữ dành cho sản phẩm của nó như “nô lệ”, “ăn mày”, “ò đơ tinh thần”, “con tin” hay “con nợ” và “ký sinh trùng chính trị” đã trở thành nhàm chán, chúng ta có thể nào sử dụng đến từ “con thú”?

Xã hội thì phải luôn tiến hoá. Mà khi hệ thống toàn trị đang đẩy xã hội và con người đi vào những bước thoái hoá nói dài thì, có lẽ, hệ thống thực dân nội địa này cũng đang dần biến con người chúng ta trở thành con thú... [26]

8.6.2010

**NGUYỄN  
HOÀNG VĂN**

để khó nghĩ, và tìm chữ. Tôi thưa tiếp: – Có đồng chí còn nói: Hay ta viết “tư tưởng Mao Trạch Đông và tư tưởng Hồ Chí Minh” có phải hay hơn không! – Câu nói của tôi làm cho mắt ông già rưng rưng theo lời đáp cấp kỳ: – Không, tôi không có tư tưởng ngoài tư tưởng chủ nghĩa Mác – Lê nin.” Chuyện xảy ra trong Đại hội Đảng lần thứ hai, năm 1951 tại Chiêm Hoá, Tuyên Quang/ Tổ này “Tổ Nam bộ” hay “Tổ quốc tế” gồm Hồ Việt Thắng, Kay Xon (sau là Tổng Bí thư ĐCS Lào), Ung Văn Khiêm, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo, Bùi Lâm, Bùi Công Trùng, Trần Công Tường, Trần Duy Hưng, v.v... Trong một cuộc phỏng vấn, khi một kỹ giả hỏi tại sao ông không bao giờ viết các tác phẩm nghiên cứu về tư tưởng, Hồ Chí Minh trả lời “Tôi có gì để viết nữa, tất cả lý luận cần thiết Mao Chủ tịch đã nghĩ đến và viết ra rồi”. Xem: William J. Duiker (2000) *Hồ Chí Minh*. New York: Hyperion,

tr, 5.  
[22] Bùi Minh Quốc, “Làng văn một thời, và...” talawas [23/6/2004] <http://www.talawas.org/talaDB/suche.php?res=2180&rb=0102>  
[23] Catch 22 là tên một tác phẩm của nhà văn Mỹ Joseph Heller, xuất bản lần đầu năm 1961 và những từ ngữ này đã trở thành một thành ngữ diễn tả tình trạng bị ràng buộc bởi hai phía, tiến thoái lưỡng nan. Nhân vật trong truyện là Đại úy Joseph Yossarian, phi công lái máy bay oanh tạc trong Đệ nhị Thế chiến. Phi công này xin nghỉ bay với lý do bị tâm thần, không đủ sức bay theo điều khoản Catch-22. Tuy nhiên theo bác sĩ quân y thì khi phi công này đến yêu cầu “nghỉ bay vì lý do tâm thần”, chúng tôi anh ta còn tỉnh táo.  
[24] Trích trong bài “Bác ơi” của Tố Hữu, bài thơ để ngày 6.9.1969.  
[25] Tôi đã hai lần trình bày về tác động giữa quyền lực và ngôn

ngữ trên Tiến Vệ.  
Xem: Nguyễn Hoàng Văn, “Ngôn ngữ, văn học và chính trị”: <http://www.tienve.org/home/literature/viewLiterature.do?action=viewArtwork&artworkId=3927> cùng: “Ngôn ngữ và quyền lực”: <http://www.tienve.org/home/literature/viewLiterature.do?action=viewArtwork&artworkId=5605>  
[26] Liên quan đến “con thú” và “con người”, tôi nhớ câu thoại trong đoạn mở đầu phim Chuyện tử tế của đạo diễn Trần Văn Thủy: “Chỉ có súc vật mới quay lưng lại với nỗi đau khổ của con người mà chăm lo riêng cho bộ da của mình”. Theo dõi những cuộc tranh luận hay cãi cọ về dự án đường sắt cao tốc tại Việt Nam sẽ tìm thấy rất nhiều kiểu lập luận theo kiểu “quay lưng... chăm lo riêng cho bộ da của mình”.  
- Bộ trưởng GTVT Hồ Nghĩa Dũng: Muốn “chọn phương án hoành tráng nhất, làm đường sắt cho tốc độ 300 km/h dù chỉ chó

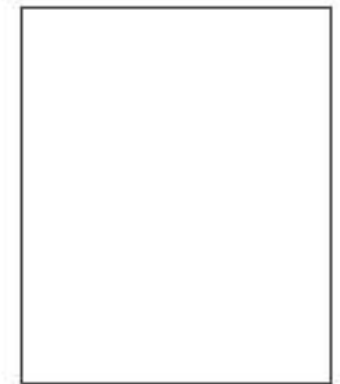
được hành khách vì “muốn đi ngay vào hiện đại”.  
- Bộ Trưởng 4T, Lê Doãn Hợp: “Nếu ta làm đường thì họ mới ưu ái cho vay vì tình nghĩa với Việt Nam chứ nếu ta muốn đầu tư nông thôn, vùng sâu vùng xa thì làm sao vay được”.  
- Giám đốc công an TP Hải Phòng Trần Bá Thiệu: “Người ta cho vay thì mình cứ vay, có nơi cho vay là tốt quá. Cứ ý kiến ra, ý kiến vào. Nếu Chính phủ đã quyết liệt như vậy thì tại sao Quốc hội không ủng hộ Chính phủ? Tấn Thủy Hoàng xưa nếu không quyết liệt thì làm sao để lại Vạn lý Trường Thành?”.  
Xem: <http://boxitvn.wordpress.com/2010/06/05/n%E1%BB%A3-n%C6%B0%E1%BB%9Bc-ngoai-nhi%E1%BB%81u-con-nghi%E1%BB%87n-s%E1%BB%91ng-d%E1%BB%9F-ch%E1%BA%Bf-d%E1%BB%9F/>



Hình: KTS NGUYEN GIANG

# hoàđàm

9741 Bolsa Ave. Suite: 216. Westminster, CA 92683.  
714.765.9844    hoadamnews@gmail.com



KÍNH GỎI: \_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

